

**TOÁN:** HÌNH TRÒN.

**I. Mục tiêu:**

1. **Kiến thức:** - Giúp HS nhận dạng được hình tròn, các đặc điểm của hình tròn.
2. **Kĩ năng:** - Rèn học sinh kĩ năng vẽ hình tròn.
3. **Thái độ:** - Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Compa, bảng phụ.
- + HS: Thước kẻ và compa.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
3'	<b>2. Bài cũ:</b> - Giáo viên nhận xét – chấm điểm.	- Học sinh sửa bài 1, 2, 3.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Hình tròn	
34'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
15'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Giới thiệu hình tròn – đường tròn</p> <p><b>Phương pháp:</b> Quan sát, đàm thoại. GV giới thiệu khái niệm hình tròn – đường tròn, bán kính, đường kính như SGK</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Thực hành.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành.</p> <p><u>Bài 1:</u> - Theo dõi giúp cho học sinh dùng compa.</p> <p><u>Bài 2:</u> - Lưu ý học sinh bài tập này biết đường kính phải tìm bán kính.</p> <p><u>Bài 3:</u> - Lưu ý cách vẽ đường tròn lớn và hai nửa đường tròn cùng một tâm.</p> <p><u>Bài 4:</u> - Lưu ý vẽ hình chữ nhật. Lấy chiều rộng là đường kính → bán kính vẽ nửa đường tròn.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thực hành. - Nêu lại các yếu tố của hình tròn.</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p>	<p><b>Hoạt động lớp.</b></p> <p><b>Hoạt động cá nhân.</b></p> <p>- Thực hành vẽ đường tròn. - Sửa bài.</p> <p>-Thực hành vẽ đường tròn. - Sửa bài.</p> <p>- Thực hành vẽ theo mẫu.</p> <p>- Thực hành vẽ theo mẫu.</p> <p><b>Hoạt động lớp.</b></p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn bài</li> <li>- Chuẩn bị: Chu vi hình tròn.</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>
--	--

## TOÁN: CHU VI HÌNH TRÒN.

### I. Mục tiêu:

1. **Kiến thức:** - Giúp HS nắm được quy tắc, công thức tính chu vi hình tròn.
2. **Kĩ năng:** - Rèn HS biết vận dụng công thức để tính chu vi hình tròn.
3. **Thái độ:** - Giáo dục học sinh tính chính xác, khoa học.

**II. Chuẩn bị:** + GV: Bìa hình tròn có đường kính là 4cm.  
+ HS: Bài soạn.

### III. Các hoạt động:

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> - Giáo viên nhận xét chấm điểm.	- Học sinh lần lượt sửa bài. 2/ 3 ; 3/ 4.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Chu vi hình tròn.	
33'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
8'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Nhận xét về quy tắc và công thức tính chu vi hình tròn, yêu cầu học sinh chia nhóm nêu cách tính Phương pháp hình tròn.</p> <p>- Giáo viên chốt: - <math>C = d \times 3,14</math> - <math>C = r \times 2 \times 3,14</math></p> <p><b>Hoạt động 2:</b> Thực hành.</p> <p><b>Bài 1:</b> - Lưu ý bài <math>d = \frac{1}{22}</math> m đổi 3,14 → phân số để tính.</p> <p><b>Bài 2:</b> - Lưu ý bài <math>r = \frac{2}{3}</math> m đổi 3,14 → phân số.</p> <p><b>Bài 3:</b> - Giáo viên theo dõi - Giáo viên nhận xét.</p> <p><b>Bài 4:</b></p>	<p><b>Hoạt động nhóm, lớp.</b></p> <p>- Tổ chức 4 nhóm. - Mỗi nhóm nêu cách tính chu vi hình tròn. - Cả lớp nhận xét. - Học sinh lần lượt nêu quy tắc và công thức tìm chu vi hình tròn.</p> <p>- Học sinh đọc đề. - Làm bài. - Sửa bài. - Cả lớp nhận xét. - Học sinh đọc đề. - Làm bài. - Sửa bài. - Lớp nhận xét. - Học sinh đọc đề tóm tắt. - Giải – 1 học sinh lên bảng giải. - Cả lớp nhận xét. - Học sinh đọc đề tóm tắt. - Giải – 1 học sinh lên bảng giải.</p>
20'		

<p>- Lưu ý đổi <math>6 \frac{1}{2} \text{ m} = 6,5 \text{ m}</math></p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> củng cố.</p> <p>- Học sinh lần lượt nêu quy tắc và công thức tìm chu vi hình tròn, biết đường kính hoặc r.</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <p>- Làm bài tập: 1, 2/ 5 ; bài 3, 4/ 5</p> <p>Chuẩn bị: Luyện tập</p>	<p>- Cả lớp nhận xét.</p> <p>- Học sinh lần lượt nêu</p>
--	--

## TOÁN: **LUYỆN TẬP.**

### I. Mục tiêu:

1. **Kiến thức:** - Giúp HS vận dụng kiến thức để tính chu vi hình tròn.
2. **Kĩ năng:** - Rèn học sinh kỹ năng vận dụng công thức để tính chu vi hình tròn nhanh, chính xác, khoa học.
3. **Thái độ:** - Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

### II. Chuẩn bị:

- + GV: Bảng phụ.
- + HS: SGK, vở bài tập.

### III. Các hoạt động:

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b>	- Học sinh sửa bài 1, 2/ 5.
	- Giáo viên nhận xét, chấm điểm.	- Học sinh nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập.	
34'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	<b>Hoạt động cá nhân, nhóm, lớp.</b>
25'	❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh giải bài.	
	<b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành, bút đàm.	
	<u>Bài 1:</u>	
	- Yêu cầu học sinh đọc đề.	- Học sinh đọc đề.
	- Giáo viên chốt.	- Tóm tắt.
	- $C = d \times 3,14$	- Giải – sửa bài.
	- $C = r \times 2 \times 3,14$	
	<u>Bài 2:</u>	
	- Yêu cầu học sinh đọc đề.	- Học sinh đọc đề.
	- Giáo viên chốt lại cách tìm bán kính khi biết C (dựa vào cách tìm thành phần chưa biết).	- Tóm tắt.
	- $C = r \times 2 \times 3,14$	- Học sinh giải.
		- Sửa bài – Nêu công thức tìm bán kính và đường kính khi biết chu vi.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ( 1 ) <math>r \times 2 \times 3,14 = 12,56</math></li> <li>- Tìm r?</li> <li>- Cách tìm đường kính khi biết C.</li> <li>- ( 2 ) <math>d \times 3,14 = 12,56</math></li> </ul> <p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt.</li> <li>- <math>C = d \times 3,14</math></li> </ul> <p>- Lưu ý bánh xe lăn 1 vòng <math>\rightarrow</math> đi được S đúng bằng chu vi bánh xe.</p> <p><b>Bài 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt.</li> <li>- Chu vi hình chữ nhật – vuông – tròn.</li> <li>- <math>P = (a + b) \times 2</math></li> <li>- <math>P = a \times 4</math></li> <li>- <math>C = d \times 3,14</math></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>r = C : 3,14 : 2</math></li> <li>- <math>d = C : 3,14</math></li> <li>- Học sinh đọc đề.</li> <li>- Tóm tắt.</li> <li>- Giải – sửa bài.</li> <li>- Nêu công thức tìm C biết d.</li> <li>- Học sinh đọc đề – làm bài.</li> <li>- Sửa bài.</li> </ul>
5'	<p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Ôn lại các qui tắc công thức hình tròn.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Đàm thoại.</p>	<p><b>Hoạt động cá nhân.</b></p>
4'	<p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thi đua, trò chơi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên nhận xét và tuyên dương.</li> </ul>	<p><b>Hoạt động nhóm bàn.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại nội dung ôn.</li> <li>- Vài nhóm thi ghép công thức.</li> </ul>
1'	<p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị: “Diện tích hình tròn”.</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	

**TOÁN:** DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN.

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** - Giúp HS nắm được quy tắc và công thức tính S hình tròn.
- 2. Kỹ năng:** - Biết vận dụng tính S hình tròn. Tìm r biết C.
- 3. Thái độ:** Rèn tính cẩn thận, yêu thích môn toán.

**II. Chuẩn bị:**

- + HS: Chuẩn bị bìa hình tròn bán kính 3cm, kéo, hồ dán, thước kẻ.
- + GV: Chuẩn bị hình tròn và băng giấy mô tả quá trình cắt dán các phần của hình tròn.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> - Giáo viên nhận xét – chấm điểm.	- Học sinh lần lượt sửa bài 1, 2, 3/ 6.

<p>1’</p> <p>30’</p> <p>10’</p>	<p><b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Diện tích hình tròn.</p> <p><b>4. Phát triển các hoạt động:</b></p> <p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Nhận xét về quy tắc và công thức tính S thông qua bán kính.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Bút đàm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu VD: tính diện tích hình tròn có bán kính là 2cm.</li> <li>- Giáo viên chốt</li> <li>- Yêu cầu học sinh nêu cách tính S <math>\square ABCD</math>.</li> <li>- Yêu cầu học sinh nêu cách tính S <math>\square MNPQ</math>.</li> <li>- Yêu cầu học sinh nhận xét S hình tròn với diện tích <math>A\square D</math> và diện tích <math>M\square Q</math>.</li> </ul>	<p><b>Hoạt động cá nhân, lớp.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thực hiện.</li> <li>- 4 em lên bảng trình bày.</li> <li>- Cả lớp nhận xét cách tính S hình tròn.</li> <li>- S hình tròn khoảng <math>12\text{ cm}^2</math> (dựa vào số ô vuông).</li> <li>- ... Cần biết bán kính.</li> <li>- Học sinh lần lượt phát biểu cách tính diện tích hình tròn.</li> </ul> <p><math>S = r \times r \times 3,14</math></p>
<p>18’</p>	<p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Thực hành</p> <p><b>Phương pháp:</b> Luyện tập.</p> <p><u>Bài 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu ý: <math>\frac{1}{2}</math> m có thể đổi <math>\rightarrow</math> 0,5cm phân số để tính.</li> </ul> <p>- <u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu ý bài d = <math>\frac{2}{3}</math> m ( giữ nguyên phân số để làm bài; đổi 3,14 <math>\rightarrow</math> phân số để tính S )</li> </ul> <p>- <u>Bài 3:</u></p> <p>- <u>Bài 4:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh nêu cách tìm r biết C.</li> </ul> <p>❖ <b>Hoạt động 3: Củng cố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại công thức tìm S</li> </ul> <p><b>5. Tổng kết – Dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài 1,2/5 ; bài 3,4/5 làm vào giờ tự học.</li> <li>- Chuẩn bị:</li> <li>- Nhận xét tiết học.</li> </ul>	<p><b>Hoạt động cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề, giải</li> <li>- 3 học sinh lên bảng sửa bài</li> <li>- Cả lớp nhận xét</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề, giải</li> <li>- 3 học sinh lên bảng sửa bài.</li> <li>- Cả lớp nhận xét.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề tóm tắt</li> <li>- Giải - 1 học sinh sửa bài.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề tóm tắt</li> <li>- Giải - 1 học sinh lên bảng sửa bài.</li> <li>- Cả lớp nhận xét</li> </ul>

## LUYỆN TẬP .

### I. Mục tiêu:

- Kiến thức:** - củng cố kỹ năng tính chu vi, diện tích hình tròn.
- Kĩ năng:** - Vận dụng kết hợp tính diện tích của 1 hình “tổ hợp”.
- Thái độ:** Giáo dục tính chính xác, khoa học.

### II. Chuẩn bị:

- + GV: SGK, bảng phụ.
- + HS: SGK.

### III. Các hoạt động:

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> Diện tích hình tròn. - Nêu quy tắc, công thức tính diện tích hình tròn? - Áp dụng. Tính diện tích biết: $r = 2,3 \text{ m}$ ; $d = 7,8 \text{ m}$ - Giáo viên nhận xét bài cũ.	- HS nêu - Lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập chung.	
32'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	<b>Hoạt động lớp.</b>
8'	❖ <b>Hoạt động 1:</b> Củng cố kiến thức <b>Mục tiêu:</b> Ôn quy tắc, công thức tính chu vi, diện tích hình tròn. <b>Phương pháp:</b> đàm thoại. - Nêu quy tắc tính chu vi hình tròn? Công thức? - Nêu quy tắc, công thức tính diện tích hình tròn?	- Học sinh nêu - Học sinh nêu
20'	❖ <b>Hoạt động 2:</b> Thực hành. <b>Mục tiêu:</b> Vận dụng công thức vào giải toán. <b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành. <u>Bài 1:</u> Tính chu vi, diện tích hình tròn. → Giáo viên nhận xét <u>Bài 2:</u> Tính diện tích hình tròn biết chu vi tròn C. - Nêu cách tìm bán kính hình tròn? → Giáo viên nhận xét <u>Bài 3:</u>	<b>Hoạt động cá nhân, nhóm</b> - Học sinh đọc đề. - Học sinh làm bài. - Sửa bài trò chơi “Tôi hỏi” - Học sinh đọc đề. - Học sinh nêu - Học sinh làm bài. - 2 học sinh làm bảng phụ → Sửa bài - Học sinh đọc đề.

<p>- Muốn tìm diện tích phần gạch chéo em làm như thế nào?  <u>Bài 4:</u>                  - Muốn tính diện tích miệng thành giếng em làm sao?                  - Bán kính miệng giếng và thành giếng tính như thế nào?                  ❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.                  - Nêu công thức tìm bán kính biết chu vi?  <b>5. Tổng kết - dặn dò:</b>                  - Học bài                  - Chuẩn bị: Luyện tập chung.                  - Nhận xét tiết học</p>	<p>- Học sinh nêu  <math>S_{\text{gạch chéo}} = S_{\text{HV}} - S_{\text{hình tròn}}</math>                  - Học sinh đọc đề.                  - Học sinh nêu                  - Học sinh làm bài                  → 1 học sinh làm bảng phụ                  → Sửa bài</p>
--	---

**TOÁN:** LUYỆN TẬP CHUNG.

**I. Mục tiêu:**

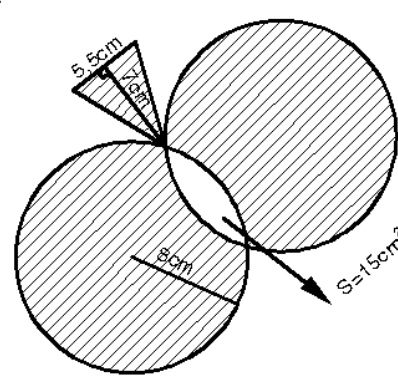
1. **Kiến thức:** - Củng cố kiến thức về chu vi, diện tích hình tròn, hình thang, hình thoi, hình tam giác.
2. **Kĩ năng:** - Rèn luyện kĩ năng vận dụng công thức để giải 1 bài toán hình học cụ thể.
3. **Thái độ:** - Giáo dục học sinh cẩn thận khi làm bài, cân nhắc khi tư duy.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Hình vẽ BT1, 2, 3, 4 ; phiếu học tập (nhóm nhỏ)
- + HS: Xem trước bài ở nhà.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
3'	<b>2. Bài cũ:</b> Luyện tập. - Lưu ý học sinh: S miệng thành giếng, là S thành giếng (không tính miệng giếng).	- Nhắc lại công thức tính C , S hình tròn. - Sửa BT4 trên bảng. - Tự nhận xét và sửa bài.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập chung.	
34'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
14'	❖ <b>Hoạt động 1:</b> Ôn tập <b>Phương pháp:</b> Thảo luận nhóm, thực hành. - Phát biểu học tập in sẵn, yêu cầu học sinh điền cho đầy đủ các công thức tính: d, r, C, S hình tròn; a, h, S	<b>Hoạt động nhóm, lớp.</b>
		- Thảo luận và điền phiếu.

<p>15'</p>	<p>hình tam giác; <math>m, n, a, b, S</math> hình thoi; <math>a, b, a + b, h, (a + b) : 2, S</math> hình thang.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Luyện tập</p> <p><b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành.</p> <p><u>Bài 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu ý: Uốn sợi dây thép <math>\Rightarrow</math> theo chu vi 2 hình tròn.</li> </ul> <p><u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét.</li> </ul> <p><u>Bài 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình bên gồm mấy bộ phận?</li> <li>- Làm thế nào để tính <math>S</math> hình đó?</li> </ul> <p><u>Bài 4:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu ý: Tính trước khi khoanh tròn đáp án.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày kết quả thảo luận.</li> </ul> <p><b>Hoạt động nhóm đôi.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc đề, nêu yêu cầu.</li> <li>- Làm bài.</li> <li>- Sửa bài.</li> <li>- Đọc đề, nêu yêu cầu.</li> <li>- Làm bài.</li> <li>- Sửa bài.</li> <li>- Đọc đề, nêu yêu cầu.</li> <li>- Hai phần nửa hình tròn và phần hình thang vuông.</li> <li>- Tính tổng 2 diện tích.</li> <li><math>\rightarrow</math> Làm bài và sửa bài.</li> <li>- Đọc đề, nêu yêu cầu.</li> <li>- Tính và nêu đáp án.</li> </ul>
<p>5'</p>	<p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thi đua, thực hành, thảo luận nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính diện tích phần gạch chéo.</li> </ul>	<p><b>Hoạt động cá nhân, lớp, nhóm.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh làm nhóm đôi và báo cáo.</li> </ul>
<p>1'</p>	<p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dặn dò Ôn quy tắc, công thức.</li> <li>- Chuẩn bị: Đọc biểu đồ hình quạt.</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	

**TOÁN:**

**BIỂU ĐỒ HÌNH QUẠT.**



**I. Mục tiêu:**

1. **Kiến thức:** - Làm quen với biểu đồ hình quạt.  
- Bước đầu biết cách đọc và phân tích xử lý số liệu trên biểu đồ.
2. **Kĩ năng:** - Rèn kĩ năng đọc và phân tích, xử lý số liệu trên biểu đồ.
3. **Thái độ:** - Giáo dục học sinh tính chính xác, khoa học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: SGK
- + HS: VBT.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b>  - Giáo viên nhận xét.	- Học sinh sửa bài 2, 7/ 7 - Cả lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b>	
33'	Biểu đồ hình quạt	
8'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b> <b>❖ Hoạt động 1:</b> Giới thiệu biểu đồ hình quạt. <b>Phương pháp:</b> Quan sát, thảo luận. - Yêu cầu học sinh quan sát kỹ biểu đồ hình quạt. VD1/ SGK và nhận xét đặc điểm.  - Yêu cầu học sinh nêu cách đọc. • Biểu đồ nói về điều gì? • Kết quả học tập của học sinh trong lớp chia mấy loại? - Giáo viên chốt lại những thông tin trên bản đồ.	<b>Hoạt động nhóm, lớp.</b>  - Nêu đặc điểm của biểu đồ. ... Dạng hình tròn chia nhiều phần. Trên mọi phần đều ghi số phần trăm tương ứng. - Đại diện nhóm trình bày.
20'	<b>Hoạt động 2:</b> Thực hành. <b>Phương pháp:</b> Bút đàm <b>Bài 1:</b> - Giáo viên chốt.  <b>Bài 2:</b> - Giáo viên chốt lại cách tính toán theo biểu đồ. - So sánh các số liệu.	<b>Hoạt động cá nhân</b>  - Học sinh lần lượt nêu những thông tin ghi nhận qua biểu đồ. - Điền số thích hợp vào chỗ trống. - Đọc và tính toán biểu đồ như hình 1. - Học sinh làm bài.

5'	<p><u>Bài 3:</u></p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài.</li> <li>- Nêu cách làm.</li> <li>- Học sinh thực hiện như bài 2.</li> </ul>
1'	<p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị: “Thực hành tính diện tích ruộng đất”.</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập biểu đồ hình quạt về số bạn học sinh giỏi, khá, trung bình của tổ.</li> </ul>

**TOÁN:**

**THỰC HÀNH TÍNH DIỆN TÍCH RUỘNG ĐẤT.**

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** - Giúp học sinh thực hành cách tính diện tích của các hình đa giác không đều.
- 2. Kỹ năng:** - Rèn học sinh kỹ năng chia hình và tính diện tích của các hình đa giác không đều nhanh, chính xác, khoa học.
- 3. Thái độ:** - Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Bảng phụ.
- + HS: SGK, VBT.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b>	- Học sinh sửa bài 1, 2
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Thực hành tính diện tích ruộng đất.	
34'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
10'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Giới thiệu cách tính.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Quan sát, động não, thực hành.</p>	<b>Hoạt động nhóm.</b>
20'	<p>- Giáo viên chốt: Chia hình trên thành hình vuông và hình chữ nhật.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Thực hành.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc ví dụ ở SGK.</li> <li>- Nêu cách chia hình.</li> <li>- Chọn cách chia hình chữ nhật và hình vuông.</li> <li>- Tính S từng phần → tính S của toàn bộ.</li> </ul> <p><b>Hoạt động cá nhân, lớp, nhóm.</b></p>

	<p><b>Phương pháp:</b> Quan sát, thực hành.</p> <p><u>Bài 1</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đọc đề.</li> <li>- Giáo viên nhận xét.</li> </ul> <p><u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đọc đề.</li> <li>- Giáo viên nhận xét.</li> </ul> <p><u>Bài 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên hướng dẫn: hình chữ nhật có kích thước 23m, 25m bao phủ khu đất.</li> <li>- Khu đất chính là hình chữ nhật bao phủ bên ngoài khoét đi 2 hình chữ nhật nhỏ ở góc bên phải và góc dưới.</li> </ul> <p><math>S_{\text{cả khu đất}} = S_{\text{cả hình bao phủ}} - S_2 \text{ hình CNH}</math></p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề.</li> <li>- Chia hình.</li> <li>- Tính diện tích toàn bộ hình.</li> <li>- Sửa bài.</li> <li>- Học sinh đọc đề.</li> <li>- Học sinh chia hình (theo nhóm).</li> <li>- Đại diện trình bày.</li> <li>- Lớp nhận xét.</li> <li>- Tính diện tích toàn bộ hình.</li> <li>- Học sinh đọc đề.</li> <li>- Học sinh chia hình.</li> <li>- Nêu cách chia.</li> <li>- Tính diện tích.</li> </ul> <p><b>Hoạt động cá nhân.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 dãy thi đua đọc quy tắc, công thức các hình đã học.</li> </ul>
4'	<p><b>Phương pháp:</b> Thi đua.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên nhận xét.</li> <li>- Tuyên dương.</li> </ul>	
1'	<p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị: “Thực hành tính diện tích ruộng đất (tt)”.</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	

**TOÁN:**

**THỰC HÀNH TÍNH DIỆN TÍCH RUỘNG ĐẤT (TT).**

**I. Mục tiêu:**

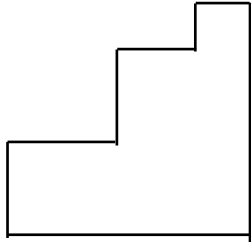
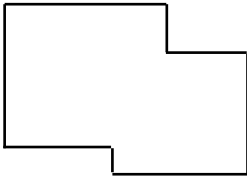
- 1. Kiến thức:** - Giúp học sinh thực hành cách tính diện tích của các hình đa giác đều.
- 2. Kỹ năng:** - Rèn kỹ năng chia hình.
- 3. Thái độ:** Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV:
- + HS:

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát

<p>4'</p>	<p><b>2. Bài cũ:</b></p> <p>- Giáo viên nhận xét.</p>	<p>- Sửa bài 1, 2/10. - Lớp nhận xét.</p>
<p>1'</p>	<p><b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Thực hành tính diện tích ruộng đất (tt).</p>	
<p>30'</p>	<p><b>4. Phát triển các hoạt động:</b></p>	
<p>10'</p>	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Giới thiệu cách tính.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Quan sát, thực hành.</p> <p>- Giáo viên chốt.</p> <p>- Chia hình trên đa giác không đều → tam giác và hình thang vuông.</p>	<p style="text-align: center;"><b>Hoạt động cá nhân.</b></p> <p>- Học sinh tổ chức nhóm. - Nêu cách chia hình. - Chọn cách chia hình tam giác – hình thang vuông.</p>
<p>18'</p>	<p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Thực hành.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Luyện tập.</p> <p><u>Bài 1:</u></p>	<p>- Học sinh làm bài. - Chia hình.</p>
	<p><u>Bài 2:</u></p> <p>- Chọn cách chia hình hợp lý nhất.</p>	<p>- Tìm S toàn bộ hình. - Học sinh chia hình (theo nhóm). - Đại diện nhóm trình bày cách chia hình. - Cả lớp nhận xét. - Chọn cách chia hợp lý. - Tính diện tích toàn bộ hình.</p>
	<p>- Giáo viên hướng dẫn: HCN có kích thước 23 cm, 25 cm bao phủ khu đất. - Khu đất đã cho chính là HCN bao phủ bên ngoài khoét đi hai HCN nhỏ ở góc bên phải và góc dưới. - S cả khu đất = S cả hình tròn bao phủ – S 2 HCN bị khoét.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p>- Nêu qui tắc và công thức tính diện</p>	<div style="text-align: center;">  </div> <p>- Nêu cách chia hình. - Chọn cách đơn giản nhất để tính.</p> <div style="text-align: center;">  </div>

2'	tích hình tam giác, hình thang. <b>5. Tổng kết - dặn dò:</b> - Ôn lại các qui tắc và công thức. - Chuẩn bị: “Luyện tập chung”.	- Học sinh nêu.
1'	- Nhận xét tiết học.	

**TOÁN:**

## LUYỆN TẬP CHUNG.

**I. Mục tiêu:**

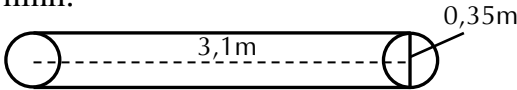
1. **Kiến thức:** - củng cố kiến thức về chu vi, diện tích hình tròn.
2. **Kĩ năng:** - Rèn kĩ năng tính độ dài đoạn thẳng, tính chu vi, diện tích hình tròn và vận dụng để tính diện tích của 1 hình “tổ hợp”.
3. **Thái độ:** Giáo dục học sinh tính chính xác, khoa học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: SGK, bảng phụ.
- + HS: SGK, xem trước nội dung ôn tập.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> Luyện tập. - Thực hành tính diện tích ruộng đất (tt). - Giáo viên nhận xét phần bài tập. - 1 học sinh giải bài sau. - Tính diện tích khoảnh đất ABCD.	- Học sinh làm bài bảng lớp. - Nhận xét.
1'	- Giáo viên nhận xét. <b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập chung.	

<p>32' 5'</p>	<p><b>4. Phát triển các hoạt động:</b> ❖ <b>Hoạt động 1:</b> Ôn tập. <b>Mục tiêu:</b> Củng cố kiến thức chu vi, diện tích hình tròn. <b>Phương pháp:</b> hỏi đáp. - Nêu quy tắc, công thức tính chu vi hình tròn? - Nêu công thức tính diện tích hình tròn?</p>	<p>- Học sinh nêu. - Học sinh nêu.</p>
<p>25'</p>	<p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Luyện tập. <b>Mục tiêu:</b> Rèn kĩ năng tính chu vi diện tích hình tròn. <b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành. <u>Bài 1</u> - Giáo viên chốt công thức vận dụng vào bài.  <u>Bài 2</u> - Giáo viên chốt công thức.  <u>Bài 3</u> - Giáo viên chốt công thức áp dụng vào bài.  <u>Bài 4</u> - Độ dài sợi dây chính là chu vi của hình.</p> 	<p><u>Bài 1</u> - Học sinh đọc đề – phân tích đề. - Vận dụng công thức: <math>a = S \times 2 : h</math> - Học sinh làm bài → 1 em giải bảng phụ → sửa bài. <u>Bài 2</u> - Học sinh đọc đề bài. - Nêu công thức áp dụng. - Học sinh làm bài vở. - 2 học sinh thi đua giải nhanh bảng lớp → sửa bài. <u>Bài 3</u> - Học sinh đọc đề bài. - Nêu công thức tính diện tích hình bình hành ⇒ cách tìm độ dài đáy. - Học sinh giải bài vào vở → đổi chéo vở kiểm tra kết quả. <u>Bài 4</u> - Đọc đề bài và quan sát hình. Tính độ dài sợi dây? - Học sinh làm bài. - Sửa bài bảng lớp (1 em).</p>
<p>4'</p>	<p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố. <b>Mục tiêu:</b> Khắc sâu kiến thức. <b>Phương pháp:</b> Động não, thực hành. - Thi đua nêu công thức tính diện tích, chiều cao, chu vi của hình tròn,</p>	<p>- Hai dãy thi đua.</p>

1'	hình thang, tam giác ... - Nhận xét, tuyên dương. <b>5. Tổng kết - dặn dò:</b> - Học bài. - Chuẩn bị: Hình hộp chữ nhật – hình lập phương. - Nhận xét tiết học	
----	---	--

**TOÁN:**

## HÌNH HỘP CHỮ NHẬT HÌNH LẬP PHƯƠNG.

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** - Hình thành được biểu tượng trong hình hộp chữ nhật và hình lập phương.
- 2. Kỹ năng:** - Nhận biết được các đồ vật trong thực tiễn có dạng hình chữ nhật.  
- Chỉ ra được các yếu tố củ hình hộp chữ nhật – hình lập phương.
- 3. Thái độ:** - Giáo dục học sinh cẩn thận khi làm bài.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Dạng hình hộp – dang khai triển.
- + HS: Hình hộp chữ nhật – Hình lập phương.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1' 3'	<b>1. Khởi động:</b> <b>2. Bài cũ:</b> - Giáo viên nhận xét.	- Hát  - Sửa bài 1/ 12 - Cả lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Hình hộp chữ nhật Hình lập phương.	
34' 14'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b> ❖ <b>Hoạt động 1:</b> Thực hành biểu tượng: Hình hộp chữ nhật – Hình lập phương. <b>Phương pháp:</b> Trực quan, thảo luận, động não. - Giới thiệu mô hình trực quan về hình hộp chữ nhật. - Yêu cầu học sinh nhận ra các yếu tố:	<b>Hoạt động nhóm, lớp.</b>  - Chia nhóm. - Nhóm trưởng hướng dẫn học sinh quan sát và ghi lại vào bảng thảo

<p>17'</p> <p>3'</p> <p>1'</p>	<p>+ Các mặt hình gì?                  + Máy mặt?                  + Máy đỉnh?                  + Máy cạnh?                  + Máy kích thước?                  - Giáo viên chốt.                  - Yêu cầu học sinh chỉ ra các mặt dạng khai triển.                  - Tương tự hướng dẫn học sinh quan sát hình lập phương.                  - Giáo viên chốt.</p> <p>- Yêu cầu học sinh tìm các đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Thực hành.  <b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành.</p> <p><u>Bài 1</u>                  - Giáo viên chốt.</p> <p><u>Bài 2</u>                  - Giáo viên chốt.</p> <p><u>Bài 3</u>                  - Giáo viên chốt.</p> <p><u>Bài 4</u>                  - Giáo viên chốt lại kích thước các mặt để áp dụng tính diện tích.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b>                  - Làm bài nhà 2, 3/ 14                  - Chuẩn bị: “Diện tích xung quanh, diện tích toàn phần”.                  - Nhận xét tiết học</p>	<p>luận.                  - Đại diện nêu lên.                  - Cả lớp quan sát nhận xét.</p> <p>- Thực hiện theo nhóm.                  - Nhận biết các yếu tố qua dạng khai triển và dạng hình khối.                  - Đại diện trình bày.                  - Các nhóm khác nhận xét.                  - Các nhóm thi đua tìm được nhiều và đúng.</p> <p><b>Hoạt động cá nhân.</b></p> <p>- Học sinh đọc kết quả, cả lớp nhận xét.                  - Học sinh làm bài – 4 em lên bảng sửa bài – cả lớp nhận xét.                  - Đọc đề – làm bài.                  - Học sinh sửa bài – đổi tập.                  - Cả lớp nhận xét.                  - Học sinh đọc kỹ đề bài.                  - Quan sát số đo và tính diện tích từng mặt.                  - Làm bài.                  - Sửa bài – đổi tập.                  - Học sinh lần lượt nêu các mặt xung quanh. Thực hành trên mẫu vật hình hộp chữ nhật, hình lập phương.</p>
--------------------------------	---	--

**TOÁN:**



## DIỆN TÍCH XUNG QUANH – DIỆN TÍCH TOÀN PHẦN PHẦN CỦA HÌNH HỘP CHỮ NHẬT.

### I. Mục tiêu:

- 1. Kiến thức:** - Học sinh tự hình thành được biểu tượng về diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.  
- Học sinh tự hình thành được cách tính và công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.
- 2. Kỹ năng:** - Vận dụng được các quy tắc và tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần để giải các bài tập có liên quan.
- 3. Thái độ:** - Giáo dục học sinh tính chính xác, khoa học.

### II. Chuẩn bị:

- + GV: Hình hộp chữ nhật, phần màu.
- + HS: Hình hộp chữ nhật, kéo.

### III. Các hoạt động:

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1' 4'	<b>1. Khởi động:</b> <b>2. Bài cũ:</b> Hình hộp chữ nhật Hình lập phương. - Hỏi: 1) Đây là hình gì? 2) Hình hộp chữ nhật có mấy mặt, hãy chỉ ra các mặt của hình hộp chữ nhật? 3) Em hãy gọi tên các mặt của hình hộp chữ nhật.	- Hát  - 1 học sinh: ... là hình hộp chữ nhật. - 1 học sinh: có 6 mặt, dùng tay chỉ từng mặt 1, 2, 3, 4, 5, 6. - 1 học sinh: mặt 1, 2 → mặt đáy; mặt 3, 4, 5, 6 → mặt xung quanh.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Thế thì chúng ta muốn tìm diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật ta phải làm sao? Trong tiết học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu cách tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật. → Ghi tựa bài lên bảng.	
33' 10'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b> ❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hình thành biểu tượng cách tính, công thức tính diện	<b>Hoạt động cá nhân, lớp.</b>

<p>tích xung quan, diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thực hành</p> <p>1) Vừa rồi cô giáo cho mỗi nhóm làm hình hộp chữ nhật có kích thước là chiều dài là 14cm chiều rộng là 10cm, chiều cao là 8cm. Các nhóm để các hình hộp chữ nhật lên bàn.</p> <p>2) Yêu cầu học sinh dùng thước đo lại.</p> <p>3) Với hình hộp chữ nhật có chiều dài là 14cm, chiều rộng là 10cm, chiều cao là 8cm. Hãy tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật này?</p> <p>4) Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là gì?</p> <p>- Giáo viên chốt: diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là tổng diện tích của 4 mặt bên.</p> <p>5) Vậy với chiều dài là 14cm, chiều rộng là 10cm, chiều cao là 8cm. Hãy tìm diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật này?</p> <p>- Mời các bạn ngồi theo nhóm để tìm cách tính.</p>	<p>- Các nhóm để các hình hộp chữ nhật lên bàn.</p> <p>- 1 hoặc 2 em trong nhóm dùng thước đo lại và nêu kết quả (các số đo chính xác).</p> <p>- Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là diện tích của 4 mặt bên... (2 học sinh)</p> <p>- Các nhóm thực hiện.</p> <p><b>NHÓM 1:</b> (đại diện) trình bày.</p> <p>- Cắt rời 4 mặt bên của hình hộp chữ nhật (đính 4 mặt bên rời nhau lên bảng.</p> <p>- Tính diện tích của từng mặt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mặt 1: D = 10cm , R = 8cm em lấy <math>10 \times 8</math></li> <li>• Mặt 2: D = 14cm , R = 8cm em lấy <math>14 \times 8</math></li> <li>• Mặt 3: D = 10cm , R = 8cm em lấy <math>10 \times 8</math></li> <li>• Mặt 4: D = 14cm , R = 8cm em lấy <math>14 \times 8</math></li> </ul> <p>- Tính tổng diện tích của 4 mặt được <math>384 \text{ (cm}^2\text{)}</math>. Vậy diện tích xung quanh = <math>384 \text{ (cm}^2\text{)}</math>.</p> <p><b>NHÓM 2:</b></p> <p>- Các mặt bên của hình hộp chữ nhật đều có chiều rộng bằng nhau. Nên xếp 4 mặt bên khít lại với nhau và diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là diện tích của hình chữ nhật (tay chỉ hình chữ nhật) và tính số đo của chiều dài này (tay chỉ chiều dài) rồi nhân với chiều rộng của hình chữ nhật, được kết quả giống như</p>
--	--

<p>6) Giáo viên chốt lại: nhóm 3 và nhóm 4 đã cho ta cách tính diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật rất hay và nhanh. Tìm diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, bạn tìm chu vi đáy, sau đó lấy chu vi đáy nhân với cao ta làm thế nào? Giáo viên gắn quy tắc lên bảng.</p> <p>7) Vận dụng quy tắc tìm diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, em hãy tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 8cm, rộng là 5cm và chiều cao là</p>	<p>nhóm 1 là diện tích xung quanh = 384 (cm<sup>2</sup>)</p> <p><u>NHÓM 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cắt hình hộp chữ nhật thành hình khai triển (đính lên bảng).</li> <li>- Đồng ý với nhóm 2 là diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật (tay quét lên mặt bên) chính là diện tích của hình chữ nhật mà chiều dài chính là chu vi đáy (tay chỉ vào hình hộp chữ nhật chu vi đáy) vì có chiều rộng = chiều rộng, chiều dài = chiều dài, chiều rộng = chiều rộng, chiều dài = chiều dài; còn chiều rộng của hình chữ nhật chính là chiều cao của hình hộp chữ nhật. Vậy diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật em lấy chu vi đáy nhân với chiều cao.</li> </ul> <p><u>NHÓM 4:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng ý cách tính diện tích xung quanh của nhóm 3. Vận dụng:             <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trước hết, bước 1 tính chu vi đáy <math>(14 + 10) \times 2 = 48</math> (cm)</li> <li>• Bước 2 tìm diện tích xung quanh, lấy chu vi đáy nhân với cao <math>48 \times 8 = 384</math> (cm<sup>2</sup>). Vậy diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là 384 (cm<sup>2</sup>).</li> </ul> </li> </ul> <p>- 2 – 3 học sinh nêu quy tắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từng học sinh làm bài.</li> <li>- Gọi 2 em sửa bài.</li> </ul> <p>Chu vi đáy:  <math>(8 + 5) \times 2 = 26</math> (cm)</p> <p>Diện tích xung quanh:</p>
--	--

<p>18'</p>	<p>3cm (giáo viên ghi tóm tắt lên bảng).          - Giáo viên chốt lại (đúng).          8) Chúng ta vừa thực hiện xong cách tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật. Bây giờ chúng ta sẽ tìm diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật? Thế diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật là gì?          - Giáo viên chốt lại: Cách nói của bạn là đúng, diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật gồm diện tích hai mặt đáy.          9) Hãy tính diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật với <math>D = 14\text{cm}</math>, <math>R = 10\text{cm}</math>, <math>C = 8\text{cm}</math>          - Giáo viên chốt lại: Bạn tính rất chính xác. Vậy muốn tìm diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật ta làm sao? (giáo viên gắn quy tắc lên bảng).          10) Hãy tính diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật có chiều dài là 6cm, rộng là 3cm, cao là 10cm          - Dùng ký hiệu VBT.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Luyện tập.          - Vận dụng quy tắc. Cả lớp đọc kỹ bài tập 1 và làm bài.</p>	<p><math>26 \times 3 = 78 \text{ (cm}^2\text{)}</math>          Đáp số: <math>78 \text{ cm}^2</math></p> <p>- ... là diện tích của tất cả các mặt.          - ... là diện tích xung quanh và diện tích 2 mặt đáy.</p> <p>- Từng học sinh làm bài.          - Học sinh sửa bài:          Diện tích 2 đáy:  <math>14 \times 10 \times 2 = 280 \text{ (cm}^2\text{)}</math>          Diện tích toàn phần:  <math>384 + 280 = 664 \text{ (cm}^2\text{)}</math></p> <p>- 2 – 3 học sinh nêu quy tắc.</p> <p>- Học sinh làm bài – học sinh sửa bài.</p> <p>Chu vi đáy  <math>(6 + 3) \times 2 = 18 \text{ (cm)}</math>          Diện tích xung quanh  <math>18 \times 10 = 180 \text{ (cm}^2\text{)}</math>          Diện tích 2 đáy:  <math>6 \times 3 \times 2 = 36 \text{ (cm}^2\text{)}</math>          Diện tích toàn phần  <math>180 + 36 = 216 \text{ (cm}^2\text{)}</math>          Đáp số: <math>216 \text{ cm}^2</math></p> <p>- 1 em học sinh đọc đề.          - Học sinh làm bài.          - Học sinh sửa bài.</p> <p>Chu vi đáy  <math>(8 + 5) \times 2 = 26 \text{ (dm)}</math>          Diện tích xung quanh  <math>26 \times 4 = 104 \text{ (dm}^2\text{)}</math></p>
------------	---	---

<p>5'</p> <p>1'</p>	<p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu quy tắc, công thức.</li> <li>- Thi đua: dãy A đặt đề ↔ dãy B tính.</li> </ul> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài tập.</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	<p>Diện tích 2 đáy:  <math>8 \times 5 \times 2 = 80 \text{ (dm}^2\text{)}</math></p> <p>Diện tích toàn phần  <math>104 + 80 = 185 \text{ (dm}^2\text{)}</math></p> <p>Đáp số: <math>216 \text{ dm}^2</math></p>
---------------------	--	---

**TOÁN:**

## LUYỆN TẬP.

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức:** - Củng cố công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần hình hộp chữ nhật.
- Kĩ năng:** - Rèn kĩ năng vận dụng công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần trong một số tình huống đơn giản, nhanh, chính xác.
- Thái độ:** - Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Các khối hình lập phương nhỏ cạnh 1cm
- + HS: SGK, VBT.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b>	- Học sinh sửa bài 1, 2, 3/ 15, 16. - Lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập.	
30'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	<b>Hoạt động lớp.</b>
10'	❖ <b>Hoạt động 1:</b> <b>Phương pháp:</b> Đàm thoại, thực hành. - Yêu cầu học sinh bốc thăm trả lời câu hỏi về $S_{xq}$ và $S_{tp}$ hình hộp chữ nhật.	- Làn lượt học sinh bốc thăm. - Trả lời câu hỏi $S_{xq}$ – $S_{tp}$ – $C_{đáy}$ – $S_{đáy}$ - Lớp nhận xét.
15'	❖ <b>Hoạt động 2:</b> Hướng dẫn học sinh làm bài tập.	<b>Hoạt động cá nhân, nhóm.</b>

	<p><b>Phương pháp:</b> Thi đua, luyện tập, thực hành.</p> <p><u>Bài 1</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh đọc đề.</li> <li>- Giáo viên chốt bằng công thức áp dụng.</li> <li>- Giáo viên lưu ý đơn vị đo cho học sinh.</li> </ul> <p><u>Bài 2</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt bằng công thức vận dụng vào bài.</li> </ul> <p><u>Bài 3</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt lại công thức.</li> <li>- Lưu ý học sinh cách tính chính xác.</li> </ul> <p><u>Bài 4</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên lưu ý học sinh sơn toàn bộ mặt ngoài <math>\rightarrow S_{tp}</math></li> </ul> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 học sinh đọc.</li> <li>- Tóm tắt.</li> <li>- Học sinh làm bài – sửa bài – nhận xét.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 học sinh đọc đề.</li> <li>- Tóm tắt – chú ý thực hành loại số là phân số và công thức.</li> <li>- Học sinh làm bài – sửa bài.</li> <li>- Học sinh làm bài dạng trắc nghiệm.</li> <li>- Học sinh sửa bài.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề – tóm tắt.</li> <li>- Diện tích sơn là <math>S_{xq} + S_{đáy}</math></li> <li>- Học sinh làm bài – sửa bài.</li> </ul> <p><b>Hoạt động nhóm.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thi xếp hình, ghép công thức, quy tắc.</li> </ul>
4'	<p><b>Phương pháp:</b> Thi đua, động não</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên nhận xét.</li> </ul>	
1'	<p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học thuộc quy tắc.</li> <li>- Chuẩn bị: "<math>S_{xq} - S_{tp}</math> hình lập phương".</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	

**TOÁN:**

## DIỆN TÍCH XUNG QUANH – DIỆN TÍCH TOÀN PHẦN HÌNH LẬP PHƯƠNG.

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức:** - Nhận biết hình lập phương là hình hộp chữ nhật đặc biệt.  
- Nêu ra được cách tính  $S_{xq} - S_{tp}$  từ hình hộp chữ nhật.
- Kĩ năng:** - Vận dụng quy tắc vào bài giải.
- Thái độ:** - Giáo dục học sinh yêu thích môn Toán.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: SGK
- + HS: SGK, vở

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b>	- Học sinh lần lượt sửa bài 1, 2/ 16 - Giáo viên chốt công thức.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Diện tích xung quanh _ diện tích toàn phần hình lập phương.	
30'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
10'	❖ <b>Hoạt động 1:</b> Quan sát mô hình hình lập phương. <b>Phương pháp:</b> Trực quan, đàm thoại. - Các mặt là hình gì? - Các mặt như thế nào? - Mỗi cạnh – mấy đỉnh? - Các cạnh như thế nào? - Có? Kích thước, các kích thước của hình? - Nêu công thức $S_{xq}$ và $S_{tp}$	- Học sinh trả lời.  - Lần lượt học sinh quan sát và hình thành $S_{xq}$ – $S_{tp}$ $S_{xq} = S_1 \text{ đáy} \times 4$ $S_{tp} = S_1 \text{ đáy} \times 6$
15'	❖ <b>Hoạt động 2:</b> Thực hành. <b>Phương pháp:</b> Thực hành. <u>Bài 1</u> - Giáo viên chốt công thức vận dụng vào bài 1. <u>Bài 2</u> - Giáo viên chốt công thức $S_{tp}$ – diện tích 1 mặt. - Tìm cạnh biết diện tích. <u>Bài 3</u> - Giáo viên chốt công thức áp dụng vào bài.	- Học sinh làm bài. - Sửa bài.  - Học sinh làm bài. - Sửa bài.  - Học sinh làm bài. - Tính $S_{xq}$ – $S_{tp}$ hình lập phương. - Sửa bài.
5'	❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.	- Hỏi về công thức $S_{xq}$ – $S_{tp}$ hình lập phương.
1'	<b>5. Tổng kết - dặn dò:</b> - Làm bài 1, 2, 3/ 18. - Nhận xét tiết học.	

**TOÁN:**

**LUYỆN TẬP.**

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức:** - Củng cố công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương.
- Kĩ năng:** - Vận dụng công thức tính  $S_{tp}$  và  $S_{xq}$  để giải bài tập trong 1 số tình huống đơn giản.
- Thái độ:** Giáo dục học sinh tính chính xác, khoa học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: SGK, bảng phụ.
- + HS: SGK, nội dung bài cũ.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương. - Nêu quy tắc tính diện tích xung quanh hình lập phương? - Nêu quy tắc tính diện tích toàn phần của hình lập phương? - Giáo viên nhận xét bài cũ.	- Học sinh nêu. - Học sinh nêu.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập.	
32'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
5'	❖ <b>Hoạt động 1:</b> Ôn tập. <b>Mục tiêu:</b> Củng cố kiến thức về $S_{xq}$ , $S_{tp}$ của hình lập phương. <b>Phương pháp:</b> Đàm thoại, động. - Nêu đặc điểm của hình lập phương? - Nêu quy tắc tính $S_{xq}$ của hình lập phương? - Nêu quy tắc tính $S_{tp}$ của hình lập phương?	<b>Hoạt động lớp.</b>  - Học sinh nêu. - Học sinh nêu. - Học sinh nêu.
25'	❖ <b>Hoạt động 2:</b> Luyện tập. <b>Mục tiêu:</b> Vận dụng công thức tính $S_{xq}$ , $S_{tp}$ hình lập phương giải toán. <b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành. <b>Bài 1:</b> Tính diện tích xung quanh	



<p>2’</p> <p>1’</p>	<p>và diện tích toàn phần của hình lập phương.</p> <p>- Giáo viên nhận xét.</p> <p><b>Bài 2:</b> Mảnh bìa nào có thể gấp thành 1 hình lập phương.</p> <p><b>Bài 3:</b> Đúng ghi Đ , sai ghi S</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p><b>Mục tiêu:</b> Khắc sâu kiến thức.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Động não.</p> <p>- Thi đua giải nhanh.</p> <p>- Tính <math>S_{xq}</math> và <math>S_{tp}</math> của hình lập phương có cạnh.</p> <p>a) 4m 2cm</p> <p>b) <math>\frac{1}{4}</math> m</p> <p>c) 1,75m</p> <p>- Giáo viên nhận xét + tuyên dương.</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <p>- Học bài.</p> <p>- Chuẩn bị: Luyện tập chung.</p> <p>- Nhận xét tiết học</p>	<p><b>Bài 1</b></p> <p>- Học sinh đọc đề bài.</p> <p>- Học sinh làm bài vào vở.</p> <p>- Sửa bài bảng lớp (2 em).</p> <p>- Học sinh sửa bài.</p> <p><b>Bài 2</b></p> <p>- Học sinh đọc đề bài và quan sát hình.</p> <p>- Học sinh làm vào vở.</p> <p>- Đổi tập kiểm tra chéo nhau.</p> <p><b>Bài 3</b></p> <p>- Học sinh đọc đề + quan sát hình.</p> <p>- Làm bài vào vở.</p> <p>- Sửa bài miệng.</p> <p>- Học sinh thi đua theo dãy và 1 dãy (3 em).</p> <p>→ học sinh nhận xét lẫn nhau.</p>
---------------------	---	--

**TOÁN:**

**LUYỆN TẬP CHUNG.**

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** - Hệ thống và củng cố lại các quy tắc về tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần hình hộp chữ nhật và hình lập phương.
- 2. Kỹ năng:** - Học sinh vận dụng một số quy tắc tính diện tích để giải một số bài tập có yêu cầu tổng hợp.
- 3. Thái độ:** - Cẩn thận khi làm bài.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Phấn màu.
- + HS: SGK.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
3'	<b>2. Bài cũ:</b> - Học sinh sửa bài 1, 3/ 18, 19 (SGK). - Giáo viên nhận xét và cho điểm.	- Lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập chung.	
34'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
15'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hệ thống và củng cố lại các quy tắc về tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần hình hộp chữ nhật và hình lập phương.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thảo luận nhóm đôi, bút đàm, đàm thoại.</p> <p>- Giáo viên yêu cầu học sinh lần lượt nhắc lại các quy tắc, công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần hình hộp chữ nhật và hình lập phương (theo nhóm).</p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>- Giáo viên chốt lại: củng cố cách tính số thập phân, phân số.</p> <p><b>Bài 2:</b></p> <p>- Giáo viên chốt: - Lưu ý học sinh tên đơn vị. - Tính phân số. - Công thức mở rộng: <math>R = P : 2 - D</math> <math>a = P : 2 - b</math></p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Phân biệt hình thang với một số hình đã học.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Bút đàm, đàm thoại, thực hành, quan sát.</p> <p><b>Bài 3:</b></p> <p>- Giáo viên lưu ý học sinh khi cạnh tăng 4 lần. - Giáo viên chốt lại cách tìm: (tìm diện tích xung quanh lúc chưa tăng a.</p>	<p><b>Hoạt động nhóm, lớp.</b></p> <p>- Học sinh lần lượt nhắc lại.</p> <p>- Học sinh đọc đề. - Nêu tóm tắt. - Học sinh giải. - Học sinh sửa bài. - Học sinh đọc từng cột. - Học sinh làm bài. - Học sinh sửa bài, nêu công thức áp dụng cho từng cột.</p> <p><b>Hoạt động cá nhân, lớp.</b></p> <p>- Học sinh đọc đề. - Học sinh tóm tắt. - Giải – 1 học sinh lên bảng. - Học sinh sửa bài – Đại diện từng</p>

<p>4’</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố. <b>Phương pháp:</b> Đàm thoại. - Nêu lại công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần hình hộp chữ nhật và hình lập phương.</p> <p>1’</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b> - Làm bài tập: 1, 3/ 20. - Chuẩn bị: “Thể tích một hình”. - Nhận xét tiết học</p>	<p>nhóm nêu kết quả và giải thích.</p> <p style="text-align: center;"><b>Hoạt động cá nhân.</b></p>
---	---

**TOÁN:**

**THỂ TÍCH CỦA MỘT HÌNH.**

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** - Học sinh biết tự hình thành biểu tượng về thể tích của một hình.
- 2. Kỹ năng:** - Biết so sánh thể tích 2 hình trong một số trường hợp đơn giản.
- 3. Thái độ:** - Giáo dục học sinh tính chính xác, khoa học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Bìa có vẽ sẵn ví dụ 1, 2, 3.
- + HS: 2 tờ giấy thủ công, kéo.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1’</p> <p>4’</p> <p>1’</p> <p>33’</p> <p>10’</p>	<p><b>1. Khởi động:</b></p> <p><b>2. Bài cũ:</b> Luyện tập chung. - Học sinh lần lượt sửa bài 1, 3/ 20. - Giáo viên nhận xét và cho điểm.</p> <p><b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Thể tích một hình.</p> <p><b>4. Phát triển các hoạt động:</b> ❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh biết tự hình thành biểu tượng về thể tích của một hình. <b>Phương pháp:</b> Bút đàm, đàm thoại. - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát nhận xét thể tích – Hỏi:</p>	<p>- Hát</p> <p>- Cả lớp nhận xét.</p> <p style="text-align: center;"><b>Hoạt động nhóm đôi.</b></p>

<p>18'</p> <p>18'</p> <p>5'</p> <p>1'</p>	<p>+ Hình A chứa? Hình lập phương?                  + Hình B chứa? Hình lập phương?                  + Nhận xét thể tích hình A và hình B.                  - Tổ chức nhóm, thực hiện quan sát và nhận xét ví dụ: 2, 3.</p> <p>+ Hình C chứa? Hình lập phương?                  + Hình D chứa? Hình lập phương?                  + Nhận xét thể tích hình C và hình D.</p> <p><b>Hoạt động 2:</b> Hướng dẫn học sinh biết so sánh thể tích hai hình trong một số trường hợp đơn giản.  <b>Phương pháp:</b> Bút đàm, đàm thoại, thực hành, quan sát.</p> <p><b>Bài 1:</b>                  - Giáo viên chữa bài – kết luận.                  - Giáo viên nhận xét sửa bài.</p> <p><b>Bài 2:</b>                  - Giáo viên nhận xét.</p> <p><b>Bài 3:</b>                  - Hướng dẫn học sinh nhận xét cạnh hình lập phương có 35 khối gỗ → tính thể tích của hình lập phương đó so với thể tích của 2 hình 27 và 8 thì lớn hơn → không thể ghép lại thành hình lập phương.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.                  - Thể tích của một hình là tính trên mấy kích thước?</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b>                  - Làm bài nhà 1, 2, / 21.</p> <p><b>1'</b>                  - Chuẩn bị: “Xentimet khối – Đêximet khối”.                  - Nhận xét tiết học</p>	<p>- Chứa 2 hình lập phương.                  - Chứa 3 hình lập phương.                  - ... A bé hơn ...B.</p> <p>- Chia nhóm.                  - Nhóm trưởng hướng dẫn quan sát từng ví dụ qua câu hỏi của giáo viên.                  - Lần lượt đại diện nhóm trình bày và so sánh thể tích từng hình.                  - Các nhóm nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động cá nhân, lớp.</b></p> <p>- Học sinh đọc đề.                  - Học sinh làm bài.                  - Học sinh sửa bài.                  - Học sinh làm bài.                  - Học sinh sửa bài.                  - Tổ chức nhóm.                  - Mỗi nhóm giới thiệu một hình lập phương có cạnh dài 8 cm – hình lập phương có cạnh dài 27 cm.                  - Ghép lại tạo hình lập phương?                  - Học sinh giải thích ( học sinh tính số khối gỗ trong từng hình lập phương).</p>
---	--	--

**TOÁN:**

**XENTIMET KHỐI – ĐÊXIMET KHỐI.**

**I. Mục tiêu:**

1. **Kiến thức:** - Học sinh tự hình thành biểu tượng xentimet khối – đềximet khối, nhận biết mối quan hệ xentimet khối và đềximet khối.
2. **Kĩ năng:** - Rèn kĩ năng giải bài tập có liên quan  $\text{cm}^3 - \text{dm}^3$
3. **Thái độ:** - Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Khối vuông 1 cm và 1 dm, hình vẽ 1  $\text{dm}^3$  chứa 1000  $\text{cm}^3$
- + HS: SGK.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b>	- Học sinh sửa bài 1, 2/ 21. - Lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b>	
30'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
15'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh tự hình thành biểu tượng xentimet khối – đềximet khối.</p> <p><b>Phương pháp:</b>, Đàm thoại, động não.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên giới thiệu <math>\text{cm}^3</math> và <math>\text{dm}^3</math>.</li> <li>- Thế nào là <math>\text{cm}^3</math>?</li> <li>- Thế nào là <math>\text{dm}^3</math>?</li> </ul> <p>- Giáo viên chốt.</p> <p>- Giáo viên ghi bảng.</p> <p>- Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu mối quan hệ <math>\text{dm}^3</math> và <math>\text{cm}^3</math></p> <p>- Khối có thể tích là 1 <math>\text{dm}^3</math> chứa bao nhiêu khối có thể tích là 1 <math>\text{cm}^3</math>?</p> <p>- Hình lập phương có cạnh 1 dm gồm bao nhiêu hình có cạnh 1 cm?</p> <p>- Giáo viên chốt lại.</p>	<p style="text-align: center;"><b>Hoạt động nhóm.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm trưởng cho các bạn quan sát.</li> <li>- Khối có cạnh 1 cm → Nêu thể tích của khối đó.</li> <li>- Khối có cạnh 1 dm → Nêu thể tích của khối đó.</li> <li>- Nêu câu trả lời cho câu hỏi 1 và 2.</li> <li>- Đại diện nhóm trình bày.</li> <li>- Các nhóm khác nhận xét.</li> <li>- Lần lượt học sinh đọc.</li> <li>- <math>\text{Cm}^3</math> là ...</li> <li>- <math>\text{Dm}^3</math> là ...</li> <li>- Học sinh chia nhóm.</li> <li>- Nhóm trưởng hướng dẫn cho các bạn quan sát và tính.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><math>10 \times 10 \times 10 = 1000 \text{ cm}^3</math> <math>1 \text{ dm}^3 = 1000 \text{ cm}^3</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện các nhóm trình bày.</li> <li>- Các nhóm nhận xét.</li> <li>- Lần lượt học sinh đọc 1 <math>\text{dm}^3 = 1000 \text{ cm}^3</math></li> </ul>

<p>10'</p> <p>5'</p> <p>1'</p>	<p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Hướng dẫn học sinh nhận biết mối quan hệ <math>cm^3</math> và <math>dm^3</math>. Giải bài tập có liên quan đến <math>cm^3</math> và <math>dm^3</math></p> <p><b>Phương pháp:</b> Đàm thoại, thực hành.</p> <p><u>Bài 1:</u></p> <p><u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt: Đổi từ lớn đến bé.</li> </ul> <p><u>Bài 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt: cách đọc số 1 thập phân.</li> </ul> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Trò chơi bằng hình thức trắc nghiệm đọc đề và các phương án.</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị: “Mét khối – Bảng đơn vị đo thể tích”.</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	<p><b>Hoạt động cá nhân.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề.</li> <li>- Học sinh làm bài, 1 học sinh làm bảng.</li> <li>- Học sinh sửa bài.</li> <li>- Lớp nhận xét.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề, làm bài.</li> <li>- Sửa bài, lớp nhận xét.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề, làm bài.</li> <li>- Sửa bài tiếp sức.</li> </ul> <p><b>Hoạt động lớp, cá nhân.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh lựa chọn đáp án đúng giờ bảng a, b, c, d.</li> </ul>
--------------------------------	---	---

## MÉT KHỐI – BẢNG ĐƠN VỊ ĐO THỂ TÍCH.

### I. Mục tiêu:

- Kiến thức:** - Giáo viên giúp học sinh tự xây kiến thức.  
- Học sinh tự hình thành được biểu tượng Mét khối – Bảng đơn vị đo thể tích. Biết đổi các đơn vị giữa  $m^3$  -  $dm^3$  -  $cm^3$
- Kĩ năng:** - Giải một số bài tập có liên quan đến các đơn vị đo thể tích.
- Thái độ:** Luôn cẩn thận, chính xác.

### II. Chuẩn bị:

- + GV: Bảng phụ, bìa cứng có hình dạng như trong SGK.
- + HS: Chuẩn bị hình vẽ  $1m = 10dm$  ;  $1m = 100cm$ .

### III. Các hoạt động:

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> - Học sinh sửa bài 2, 3 (SGK). - Giáo viên nhận xét và cho điểm.	- Lớp nhận xét.

<p>1’</p> <p>30’</p> <p>13’</p> <p>13’</p>	<p><b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Giải toán về tìm tỉ số phần trăm.</p> <p><b>4. Phát triển các hoạt động:</b></p> <p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh tự hình thành được biểu tượng Mét khối – Bảng đơn vị đo thể tích.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thảo luận nhóm đôi, bút đàm, đàm thoại.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên giới thiệu các mô hình: mét khối – <math>dm^3</math> – <math>cm^3</math></li> <li>- Giáo viên chốt lại, nhận xét, tuyên dương tổ nhóm nêu nhiều ví dụ và có sâu sắc vật thật.</li> <li>- Giáo viên giới thiệu mét khối:</li> <li>- Ngoài hai đơn vị <math>dm^3</math> và <math>cm^3</math> khi đo thể tích người ta còn dùng đơn vị nào?</li> <li>- Mét khối là gì? Nêu cách viết tắt?</li> <li>- Giáo viên chốt lại 2 ý trên bằng hình vẽ trên bảng.</li> <li>- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát hình vẽ, nhận xét rút ra mối quan hệ giữa mét khối – <math>dm^3</math> - <math>cm^3</math>:</li> <li>- Giáo viên chốt lại:             <ul style="list-style-type: none"> <li><math>1 m^3 = 1000 dm^3</math></li> <li><math>1 m^3 = 1000000 cm^3</math></li> </ul> </li> <li>- Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu nhận xét mối quan hệ giữa các đơn vị đo thể tích.             <ul style="list-style-type: none"> <li><math>1 m^3 = ? dm^3</math></li> <li><math>1 dm^3 = ? cm^3</math></li> <li><math>1 cm^3 =</math> phần mấy <math>dm^3</math></li> <li><math>1 dm^3 =</math> phần mấy <math>m^3</math></li> </ul> </li> </ul> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Hướng dẫn học sinh biết đổi các đơn vị giữa <math>m^3</math> – <math>dm^3</math> – <math>cm^3</math>. Giải một số bài tập có liên quan đến các đơn vị đo thể tích.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thảo luận nhóm đôi, bút đàm, đàm thoại.</p> <p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt lại.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>Hoạt động nhóm, bàn.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh lần lượt nêu mô hình <math>m^3</math> : nhà, căn phòng, xe ô tô, bể bơi,...</li> <li>- Mô hình <math>dm^3</math>, <math>cm^3</math> : cái hộp, khúc gỗ, viên gạch...</li> <li>- ... mét khối.</li> <li>- Học sinh trả lời minh hoạ bằng hình vẽ (hình lập phương cạnh 1m).</li> <li>- Viết vào bảng con.</li> <li>- 1 mét khối ...<math>1m^3</math></li> <li>- Học sinh đọc đề – Chú ý các đơn vị đo.</li> <li>- Các nhóm thực hiện – Đại diện nhóm lên trình bày.</li> <li>- Học sinh lần lượt ghi vào bảng con.</li> <li>- Học sinh đọc lại ghi nhớ.</li> <li>- Học sinh đọc đề, 1 học sinh làm bài, 1 học sinh lên bảng viết.</li> </ul>
--	---	--

<p><u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt lại.</li> </ul> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Trò chơi.</p> <p>4’ - Thi đua đổi các đơn vị đo.</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài 1, 2/24.</li> </ul> <p>1’ - Chuẩn bị: “Luyện tập chung”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét tiết học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài.</li> <li>- Lớp nhận xét.</li> <li>- Học sinh đọc đề. – Chú ý các đơn vị đo.</li> <li>- Học sinh tự làm.</li> <li>- Học sinh sửa bài.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy A cho đề, dãy B đổi và ngược lại.</li> </ul>
---	---

**TOÁN:**

## LUYỆN TẬP.

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức:** - Ôn tập, củng cố về các đơn vị đo mét khối, decimet khối, xăngtimet khối (biểu tượng, cách đọc, cách viết, mối quan hệ giữa các đơn vị đo).
- Kĩ năng:** - Luyện tập về đổi đơn vị đo, đọc, viết các số đo thể tích, so sánh các số đo.
- Thái độ:** - Giáo dục tính khoa học, chính xác.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: SGK, bảng phụ.
- + HS: SGK, kiến thức cũ.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1’	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4’	<b>2. Bài cũ:</b> Mét khối _ Bảng đơn vị đo thể tích. - Mét khối là gì? - Nêu bảng đơn vị đo thể tích? Áp dụng: Điền chỗ chấm. $15 \text{ dm}^3 = \dots \text{ cm}^3$ $2 \text{ m}^3 23 \text{ dm}^3 = \dots \text{ cm}^3$ - Giáo viên nhận xét	- Học sinh nêu. - Học sinh nêu. - Học sinh làm bài.
1’	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập.	
32’	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
5’	❖ <b>Hoạt động 1:</b> Ôn tập <b>Mục tiêu:</b> Ôn tập, củng cố kiến thức về đơn vị đo thể tích. <b>Phương pháp:</b> Đàm thoại.	<b>Hoạt động lớp.</b>



<p>25'</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Luyện tập.</p> <p><b>Mục tiêu:</b> Học sinh đổi được đơn vị đo thể tích, đọc, viết các số đo.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành.</p> <p><u>Bài 1</u></p> <p>a) Đọc các số đo. b) Viết các số đo.</p> <p>- Giáo viên nhận xét.</p> <p><u>Bài 2</u></p> <p>- Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô vuông</p> <p>- Giáo viên nhận xét.</p> <p><u>Bài 3</u></p> <p>- So sánh các số đo sau đây. - Giáo viên đặt câu hỏi gợi ý cho học sinh nêu cách so sánh các số đo. - Giáo viên nhận xét.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p><b>Mục tiêu:</b> Khắc sâu kiến thức.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Động não.</p> <p>- Nêu đơn vị đo thể tích đã học. - Thi đua: So sánh các số đo sau:</p> <p>a) <math>2,785 \text{ m}^3</math> ; <math>4,20 \text{ m}^3</math> ; <math>0,53 \text{ m}^3</math> b) <math>\frac{1}{4} \text{ m}^3</math> ; <math>\frac{3}{4} \text{ dm}^3</math> ; <math>\frac{15}{17} \text{ m}^3</math> c) <math>\frac{25}{100} \text{ m}^3</math> ; <math>75 \text{ m}^3</math> ; <math>25 \text{ dm}^3</math> ;</p> <p>- Giáo viên nhận xét + tuyên dương.</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <p>- Học bài. - Chuẩn bị: Thể tích hình hộp chữ nhật.</p> <p>1'</p>	<p>- Nêu bảng đơn vị đo thể tích đã học? - Mỗi đơn vị đo thể tích gấp mấy lần đơn vị nhỏ hơn liền sau?</p>	<p>- <math>\text{m}^3</math> , <math>\text{dm}^3</math> , <math>\text{cm}^3</math> - học sinh nêu.</p> <p>- Học sinh đọc đề bài. a) Học sinh làm bài miệng. b) Học sinh làm bảng con.</p> <p>- Học sinh đọc đề bài. - Học sinh làm bài vào vở. - Sửa bài miệng.</p> <p>- Học sinh đọc đề bài. - Học sinh làm bài vào vở. - Sửa bài bảng lớp. - Lớp nhận xét. - Học sinh sửa bài.</p> <p>- Học sinh nêu. - Học sinh thi đua (3 em/ 1 dãy).</p>
--	--	---

**TOÁN:**

## THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT.

**I. Mục tiêu:**

1. **Kiến thức:** - Tìm được các quy tắc và công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật.

- Học sinh vận dụng một số quy tắc tính để giải một số bài tập có liên quan.

**2. Kỹ năng:** - Hình thành về biểu tượng thể tích hình hộp chữ nhật.

**3. Thái độ:** - Có ý thức cẩn thận khi làm bài.

**II. Chuẩn bị:**

+ GV: Chuẩn bị hình vẽ.

+ HS: Hình vẽ hình hộp chữ nhật  $a = 5 \text{ cm}$  ;  $b = 3 \text{ cm}$  ;  $c = 4 \text{ cm}$ .

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1' 3'	<p><b>1. Khởi động:</b></p> <p><b>2. Bài cũ:</b></p> <p>- Giáo viên nhận xét.</p>	<p>- Hát</p> <p>- Học sinh sửa bài 1, 2/ 24, 25.</p> <p>- Cả lớp nhận xét.</p>
1'	<p><b>3. Giới thiệu bài mới:</b></p> <p>Thể tích hình hộp chữ nhật. → Giáo viên ghi bảng.</p>	
34' 12'	<p><b>4. Phát triển các hoạt động:</b></p> <p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh tự hình thành về biểu tượng thể tích hình hộp chữ nhật. Tìm được các quy tắc và công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thảo luận, bút đàm, đàm thoại.</p> <p>* Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm ra công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật.</p> <p>- Giáo viên giới thiệu hình hộp chữ nhật (hình tròn).</p> <p>- Giáo viên giới thiệu hình lập phương cạnh <math>1 \text{ cm} \rightarrow 1 \text{ cm}^3</math></p> <p>- Lắp vào hình hộp chữ nhật 1 hàng, 3 khối và lắp được 5 hàng → đây 1 lớp.</p> <p>- Tiếp tục lắp cho đầy hình hộp chữ nhật.</p> <p>- Vậy cần có bao nhiêu khối hình lập phương <math>1 \text{ cm}^3</math></p> <p>- Giáo viên chốt lại: bằng hình hộp chữ nhật có 60 hình lập phương cạnh <math>1 \text{ cm}</math>.</p>	<p><b>Hoạt động nhóm, lớp.</b></p> <p>- Tổ chức học sinh thành 3 nhóm.</p> <p>- Vừa quan sát, vừa vẽ vào hình từng lớp cho đến đầy hình hộp chữ nhật.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày và nêu số hình lập phương <math>1 \text{ cm}^3</math></p> <p>- Nêu cách tính.</p> <p><math>a = 5</math> hình lập phương <math>1 \text{ cm}</math></p> <p><math>b = 3</math> hình lập phương <math>1 \text{ cm}</math></p> <p>→ 13 hình lập phương <math>1 \text{ cm}</math> – Có 4 lớp (chỉ chiều cao <math>4 \text{ cm}</math>).</p> <p>- Vậy có 60 hình lập phương <math>1 \text{ cm}</math></p> <p><math>= 5 \times 3 \times 4</math></p> <p>- Thể tích 1 hình lập phương <math>1 \text{ cm}^3</math></p>

<p>18'</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Hướng dẫn học sinh vận dụng một số quy tắc tính để giải một số bài tập có liên quan. <b>Phương pháp:</b> Bút đàm, đàm thoại, quan sát, luyện tập.</p> <p><u>Bài 1</u></p> <p><u>Bài 2</u></p> <p>- Giáo viên chốt lại.</p> <p><u>Bài 3</u></p> <p>- Giáo viên chốt lại.</p> <p>4'</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố. <b>Phương pháp:</b> Trò chơi thi đua. Thi đua tìm công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật.</p> <p>1'</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <p>- Làm bài tập 1, 2/ 26</p> <p>- Chuẩn bị: “Thể tích hình lập phương”.</p> <p>- Nhận xét tiết học</p>	<p>- Chỉ theo số đo <math>a - b - c \rightarrow</math> thể tích.</p> <p>- Vậy muốn tìm thể tích hình hộp chữ nhật ta làm sao?</p> <p>- Vậy thể tích hình hộp chữ nhật <math>= 5 \times 3 \times 4 = 60 \text{ cm}^3</math></p> <p>- Học sinh lần lượt ghi ra nháp và nêu quy tắc.</p> <p>- Học sinh nêu công thức. <math>V = a \times b \times c</math></p> <p><b>Hoạt động cá nhân, lớp.</b></p> <p>- Học sinh đọc đề.</p> <p>- Học sinh làm bài.</p> <p>- Học sinh sửa bài.</p> <p>- Học sinh quan sát hình.</p> <p>- Học sinh làm bài.</p> <p>- Học sinh sửa bài.</p> <p>- Học sinh quan sát hình.</p> <p>- Có thể có 3 cách.</p> <p>• Cách 1: Bỏ dọc hình hộp chữ nhật.</p> <p>• Cách 2: Bỏ ngang hình hộp chữ nhật.</p> <p>• Cách 3 : Vẽ thêm hình hộp chữ nhật <math>a = 12 \text{ cm}</math> , <math>b = 8 \text{ cm}</math> , <math>c = 5 \text{ cm}</math> rồi tính.</p> <p><b>Hoạt động nhóm (2 dãy)</b></p>
--	--

**TOÁN:**

**THỂ TÍCH HÌNH LẬP PHƯƠNG.**

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** - Học sinh biết tự tìm được công thức tính và cách tính thể tích của hình lập phương.

**2. Kỹ năng:** - Học sinh biết vận dụng một công thức để giải một số bài tập có liên quan.

**3. Thái độ:** - Giáo dục học sinh tính chính xác, khoa học.

**II. Chuẩn bị:**

+ GV: Bìa có vẽ sẵn ví dụ 1, 2, 3.

+ HS: Hình lập phương cạnh 1 cm (phóng lớn). Hình vẽ hình lập phương cạnh 3 cm.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> - Học sinh lần lượt sửa bài 1, 2/ 26 - Giáo viên nhận xét cho điểm.	- Cả lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Thể tích hình lập phương. → Ghi tựa bài lên bảng.	
33'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	<b>Hoạt động nhóm, lớp</b>
8'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh tự hình thành về biểu tượng thể tích lập phương. Tìm được các quy tắc và công thức tính thể tích hình lập phương.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thảo luận, bút đàm, đàm thoại.</p> <p>* Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm ra công thức tính thể tích hình lập phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên giới thiệu hình hộp chữ nhật (hình tròn).</li> <li>- Giáo viên giới thiệu hình lập phương cạnh <math>a = 1\text{ cm} \rightarrow 1\text{ cm}^3</math></li> <li>- Lắp vào 3 hình lập phương 1 cm.</li> <li>- Tiếp tục lắp cho đầy 1 mặt</li> </ul> <p>- Nếu lắp đầy hình lập phương. Vậy cần có bao nhiêu khối hình lập phương <math>1\text{ cm}^3</math></p> <p>- Giáo viên chốt lại: Số hình lập phương <math>a = 1\text{ cm}</math> xếp theo mỗi cạnh hình lập phương lớn là 3 cm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức học sinh thành 3 nhóm.</li> <li>- Vừa quan sát, vừa vẽ vào hình từng lớp cho đến đầy hình lập phương.</li> <li>- Đại diện nhóm trình bày và nêu số hình lập phương 9 hình lập phương cạnh 1 cm.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><math>3 \times 3 = 9\text{ cm}</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh quan sát nêu cách tính. → <math>3 \times 3 \times 3 = 27</math> hình lập phương.</li> <li>- Học sinh vừa quan sát từng phần, vừa vẽ hình như trên để cả nhóm quan sát và nêu cách tính thể tích hình lập phương.</li> <li>- Học sinh lần lượt ghi ra nháp và</li> </ul>

<p>20'</p> <p>5'</p> <p>1'</p>	<p>- Chỉ theo số đo <math>a - b - c \rightarrow</math> thể tích.                  - Vậy muốn tìm thể tích hình lập phương ta làm sao?  <b>❖ Hoạt động 2:</b> Hướng dẫn học sinh vận dụng một số quy tắc tính để giải một số bài tập có liên quan.  <b>Phương pháp:</b> Bút đàm, đàm thoại, thực hành, quan sát.  <u>Bài 1</u>                  - Lưu ý:                      cột 3: biết diện tích 1 mặt <math>\rightarrow a = 4 \text{ cm}</math>                      cột 4: biết diện tích toàn phần <math>\rightarrow</math> diện tích một mặt.  <u>Bài 2</u>                  - Giáo viên chốt lại: cách tìm trung bình cộng.  <u>Bài 3</u>                  - Giáo viên nhắc nhở học sinh: chú ý đổi <math>\text{m}^3 = \dots \text{dm}^3</math>                  - Giáo viên chốt lại.  <b>❖ Hoạt động 3:</b> Củng cố.                  - Thể tích của 1 hình là tính trên mấy kích thước?  <b>5. Tổng kết - dặn dò:</b>                  - Làm bài tập: 1, 2/ 28                  - Chuẩn bị: Luyện tập chung.                  - Nhận xét tiết học</p>	<p>nêu quy tắc.                  - Học sinh nêu công thức.  <math>V = a \times a \times a</math>  <b>Hoạt động cá nhân</b>                  -                  -                  -                  -</p>
--------------------------------	---	--

**TOÁN:**

**LUYỆN TẬP CHUNG.**

**I. Mục tiêu:**

1. **Kiến thức:** - Hệ thống hoá, củng cố các kiến thức về diện tích, thể tích hình hộp chữ nhật và hình lập phương.
2. **Kĩ năng:** - Học sinh vận dụng các công thức tính diện tích, thể tích để giải các bài tập có liên quan với yêu cầu tổng hợp.
3. **Thái độ:** - Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Phấn màu.
- + HS: SGK, VBT.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1' 4'	<p><b>1. Khởi động:</b></p> <p><b>2. Bài cũ:</b></p> <p>- Giáo viên nhận xét và chấm điểm.</p>	<p>- Hát</p> <p>- Học sinh sửa bài 1, 2.</p> <p>- Lớp nhận xét.</p>
1' 30' 20'	<p><b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập.</p> <p><b>4. Phát triển các hoạt động:</b></p> <p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh hệ thống hoá, củng cố kiến thức về diện tích, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Đàm thoại, thực hành.</p> <p><u>Bài 1:</u></p> <p>- Giáo viên chốt lại: chiều dài, chiều rộng, chiều cao phải cùng đơn vị đo.</p>	<p><b>Hoạt động nhóm đôi.</b></p> <p>- Học sinh đọc đề bài 1a.</p> <p>- Nêu tóm tắt – Giải.</p> <p>- Nêu lại công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật.</p> <p>- Nêu mối liên quan giữa các đơn vị đo của chiều dài, rộng, cao.</p> <p>- Học sinh đọc đề bài 1b.</p> <p>- Nêu tóm tắt – Giải.</p> <p>- Học sinh sửa bài.</p> <p>- Nhận xét về các đơn vị đo của 3 chiều.</p>
5'	<p><u>Bài 2:</u></p> <p>- Giáo viên yêu cầu học sinh nêu công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần hình lập phương và thể tích hình lập phương.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Ôn lại các qui tắc, công thức tính hình hộp chữ nhật, hình lập phương.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Đàm thoại.</p> <p><u>Bài 3:</u></p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu công thức tính thể tích hình lập phương.</p> <p>- Nêu số đo cạnh hình lập phương.</p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo thể tích và diện tích.</p> <p><u>Bài 4:</u></p>	<p>- Học sinh đọc đề bài 2.</p> <p>- Nêu tóm tắt – Giải.</p> <p>- Học sinh sửa bài.</p> <p>- Cả lớp nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động cá nhân.</b></p> <p>- Học sinh nhắc lại nội dung ôn.</p> <p>- Học sinh đọc đề.</p> <p>- <math>V = a \times a \times a</math> hay <math>V = S</math> đáy <math>\times a</math></p> <p>- Từ số đo thể tích <math>\rightarrow</math> số đo cạnh hình lập phương = 3 cm.</p> <p>- 1 học sinh làm bài, 1 học sinh lên bảng viết.</p>

<p>- Yêu cầu học sinh nhận xét mối quan hệ giữa hình hộp chữ nhật và hình lập phương.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> củng cố. <b>Phương pháp:</b> Trò chơi, thi đua.</p> <p>5' - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <p>1' - Làm bài 2, 1, 3, 4. - Chuẩn bị: Luyện tập chung. - Nhận xét tiết học</p>	<p>- Sửa bài. - Lớp nhận xét. - Học sinh đọc đề, quan sát hình. - Khối gỗ có dạng hình hộp chữ nhật gồm có các khối hình lập phương xếp lại. - Học sinh sửa bài. - Cả lớp nhận xét.</p> <p style="text-align: center;"><b>Hoạt động nhóm bàn.</b></p> <p>- Vài nhóm ghép hình, công thức.</p>
--	---

**TOÁN:**

## LUYỆN TẬP CHUNG.

**I. Mục tiêu:**

1. **Kiến thức:** - Hướng dẫn học sinh củng cố về tính tỉ số % của một số, ứng dụng tính nhẩm và giải toán.
2. **Kĩ năng:** - Vận dụng giải toán nhanh, chính xác.
3. **Thái độ:** - Yêu thích môn học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: SGK, phấn màu.
- + HS: SGK, vở

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b>	- Học sinh sửa bài 2/ 28 - Lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Ôn về tính tỉ số % của 1 số, thể tích hình lập phương, hình hộp chữ nhật qua tiết luyện tập chung.	
30'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
7'	❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh củng cố về tính tỉ số % của một số, ứng dụng trong tính nhẩm và giải toán. <b>Phương pháp:</b> Thảo luận nhóm đôi, bút đàm, đàm thoại. <u>Bài 1</u>	- Học sinh đọc đề bài 1 a.

<p>20'</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Luyện tập. <b>Phương pháp:</b> Luyện tập</p> <p><u>Bài 1a</u></p> <p>- Nêu yêu cầu.</p> <p><u>Bài 2</u></p> <p>- Lưu ý học sinh tính theo cách tính tỉ số % của 2/3</p> <p><u>Bài 3</u></p> <p>- Ở câu b, học sinh có thể giải theo các cách khác nhau → cho học sinh nhận xét rút ra cách giải hợp lí (nhanh hơn). - Nhận xét: khi giữ nguyên chiều dài, chiều rộng, chiều cao tăng thêm bao nhiêu thì thể tích cũng tăng lên bấy nhiêu.</p> <p>3'</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p>- Thi đua làm nhanh bài 4. - Nhận xét.</p> <p>1'</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <p>- Làm bài 1b/ 34. - Chuẩn bị: Giới thiệu hình trụ. Diện tích xung quanh, diện tích toàn phần hình trụ. - Nhận xét tiết học.</p>		<p>- Học sinh nhận xét và phân tích cách tính của bạn Dung.</p> <p>- Học sinh thực hành nháp:</p> <p>10% của 440 là : 44 5% của 440 là : 22 } 15% của 440 là 66</p> <p>- Học sinh quan sát số 17 ½%</p> <p>- Các nhóm lần lượt phân tích 17 ½%</p> <p>- Dự kiến:</p> <p>+ 10% - 7% - 0,5% + 10% - 5% - 2,5% + 17% - 0,5%</p> <p>- Học sinh lần lượt tính. - Học sinh sửa bài. - Học sinh đọc đề bài 2. - Nêu tóm tắt – Giải. - Học sinh sửa bài. - Cả lớp nhận xét. - Học sinh đọc đề. - Làm bài cá nhân. - Nhận xét.</p> <p>- Học sinh làm cá nhân → sửa bài bằng cách chọn thể a, b, c, d.</p>
--	--	--

**TOÁN:**



## GIỚI THIỆU HÌNH TRỤ DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ DIỆN TÍCH TOÀN PHẦN HÌNH TRỤ.

### I. Mục tiêu:

1. **Kiến thức:** - Nhận dạng được hình trụ – Bước đầu biết cách tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần hình trụ.
2. **Kĩ năng:** - Áp dụng tính toán chính xác.
3. **Thái độ:** Giáo dục tính chính xác, khoa học.

### II. Chuẩn bị:

- + GV: Mô hình hình trụ → mở ra dạng khai triển .
- + HS: Mẫu vật hình trụ – hình vẽ hình trụ có xác định chiều cao – Hình vẽ hình trụ dạng khai triển..

### III. Các hoạt động:

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> - Học sinh sửa bài 3/ 24. - Giáo viên nhận xét cho điểm.	- Học sinh nêu.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Giới thiệu hình trụ. Diện tích xung quanh, diện tích toàn phần hình trụ.	- Học sinh nêu.
32'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
18'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh nhận dạng được hình trụ – Bước đầu biết cách tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần hình trụ.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thảo luận nhóm đôi, bút đàm, đàm thoại.</p> <p>- Giáo viên chốt lại bằng hình vẽ.</p> <p>- Giáo viên thực hiện. + Kẻ đường thẳng BA vuông góc với</p>	<p><b>Hoạt động lớp.</b></p> <p>- Học sinh lần lượt giới thiệu mẫu vật hình trụ.</p> <p>- Học sinh nhận xét: 2 đáy hình tròn và bằng nhau – một mặt xung quanh.</p> <p>- Nêu đường cao: Đoạn thẳng nối hai tâm của hai đáy gọi là đường cao.</p> <p>- Lần lượt học sinh nêu đặc điểm của hình trụ.</p> <p>- Học sinh quan sát thực hiện từng bước.</p>

<p>10'</p>	<p>đáy.          + Cắt rời 2 đáy.          + Cắt theo đường BA.          + Trải mặt phẳng dán lên bảng.          + Chiều dài AD là gì?          + AB là gì?</p> <p>- Tính diện tích xung quanh bằng cách nào?          - Giáo viên nêu: Vì AD bằng chu vi đáy, AB bằng chiều cao nên: Diện tích xung quanh của hình trụ bằng chu vi đáy nhân với chiều cao (cùng 1 đơn vị đo).          - Giáo viên nêu ví dụ → 1 học sinh thực hiện.          - Ví dụ: Tính diện tích xung quanh của hình trụ có bán kính đáy 3 cm và chiều cao 4 cm.          - Giáo viên nhận xét.          * <u>Giới thiệu diện tích toàn phần của hình trụ:</u>          - Giáo viên nêu: Diện tích toàn phần của hình trụ gồm diện tích xung quanh và diện tích 2 đáy.          - Vậy, tính diện tích toàn phần như thế nào?          - Giáo viên kết luận:          - Muốn tìm diện tích toàn phần của hình trụ, ta lấy diện tích xung quanh cộng với diện tích hai đáy.          - Giáo viên nêu ví dụ: Từ ví dụ trên, tiếp tục tính <math>S_{xP}</math>.          - Giáo viên nhận xét.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Luyện tập.  <b>Mục tiêu:</b> Rèn kỹ năng xác định và tính <math>S_{xq}</math>, <math>S_{tp}</math> của hình trụ.  <b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành.  <u>Bài 1:</u> Xác định hình trụ.          - Hình (A), (E) là hình trụ.</p>	<p>- Học sinh quan sát và nhận xét: Chiều dài AD là chu vi đáy (giáp với đáy hình tròn).          - AB là chiều cao hình trụ.          - Tính diện tích hình chữ nhật ABCD.          - <math>S: ABCD = AD \times AB</math>          - Học sinh nhắc lại 4 – 5 em.</p> <p>- 1 học sinh thực hiện bảng lớp.          - Chu vi đáy của hình trụ.  <math>3 \times 2 \times 3,14 = 18,84</math> (cm)          - Diện tích xung quanh của hình trụ.  <math>18,84 \times 4 = 75,36</math> (cm<sup>2</sup>)</p> <p>- Học sinh nêu cách tính diện tích toàn phần của hình trụ.          - Học sinh nhắc lại (5 em).</p> <p>- 1 học sinh thực hiện diện tích 2 đáy hình trụ:  <math>(3 \times 3 \times 3,14) \times 2 = 56,52</math> (cm<sup>2</sup>).          - Diện tích toàn phần của hình trụ.  <math>56,52 + 75,36 = 131,88</math> (cm<sup>2</sup>)</p> <p><b>Hoạt động lớp, cá nhân.</b></p> <p>- 1 học sinh đọc yêu cầu đề.          - Cả lớp làm vào SGK, (đánh x vào hình trụ).          - Học sinh sửa bài miệng.</p>
------------	---	--

	<p><u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên gọi học sinh nêu quy tắc tính <math>S_{xp}</math>, <math>S_{xq}</math> hình trụ.</li> <li>- Giáo viên nhận xét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 học sinh đọc đề bài + Lớp đọc thầm.</li> <li>- 2 học sinh nêu.</li> <li>- Lớp làm bài vào vở.</li> <li>- 2 học sinh làm bảng phụ.</li> <li>- Học sinh sửa bài.</li> </ul>
4'	<p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.  <b>Mục tiêu:</b> Khắc sâu kiến thức.  <b>Phương pháp:</b> Động não, hỏi đáp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu quy tắc tính <math>S_{xq}</math> và <math>S_{tp}</math> hình trụ?</li> <li>- Xác định hình trụ và tính <math>S_{xp}</math>, <math>S_{xq}</math> của hình đó?</li> <li>- Giáo viên nhận xét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nêu.</li> <li>- Học sinh xác định lên bảng.</li> <li>- Tính <math>S_{xp}</math>, <math>S_{xq}</math>.</li> </ul>
2'	<p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học bài.</li> <li>- Chuẩn bị: Luyện tập.</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	

**TOÁN:**

## GIỚI THIỆU HÌNH CẦU.

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức:** - Nhận xét về hình cầu.  
 - Bước đầu biết cách tìm diện tích hình cầu và thể tích hình cầu.
- Kĩ năng:** - Thực hành tính diện tích và thể tích hình cầu.
- Thái độ:** - Có ý thức tự học, tự rèn.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Chuẩn bị các vật dụng hình cầu.
- + HS: Bài soạn – vật dụng có hình cầu.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> - Giáo viên nhận xét – ghi điểm.	- Học sinh lướt sửa bài 2. - Cả lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Giới thiệu hình cầu.	
30'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
5'	❖ <b>Hoạt động 1:</b> Giới thiệu hình	

	<p>cầu.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Trực quan, đàm thoại.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt.</li> <li>- Các mặt đều là hình tròn.</li> <li>- Yêu cầu học sinh</li> <li>- Tìm tâm và bán kính của hình cầu.</li> <li>- Giáo viên chốt lại và chỉ tâm bán kính bên hai hình vẽ.</li> </ul> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Tính diện tích hình cầu.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thảo luận, thực hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu các nhóm nêu S hình cầu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh chia nhóm.</li> <li>• Với mọi nhóm tìm đặc điểm về hình dạng của hình cầu.</li> <li>- Các mặt đều là hình tròn.</li> <li>- Lần lượt giới thiệu các vật có dạng hình cầu.</li> <li>- Mỗi nhóm xác định tâm và bán kính hình cầu trên hình vẽ.</li> <li>- Đại diện nhóm giới thiệu.</li> <li>- Các nhóm khác nhận xét.</li> </ul>
10'	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt.</li> <li>- Yêu cầu học sinh tính S hình cầu với bán kính là 4 cm</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu thể tích hình cầu.</li> <li>- Giáo viên chốt thể tích hình cầu.</li> <li>- Yêu cầu tính V hình cầu với bán kính 4 cm.</li> </ul> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Luyện tập.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thực hành.</p> <p><u>Bài 1:</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức nhóm 2 em.</li> <li>- Các nhóm lần lượt giới thiệu S hình cầu – dán lên bảng và đọc.</li> <li>- Các nhóm khác nhận xét.</li> <li><math>S = (r \times r \times 3,14) \times 4</math></li> <li>- Học sinh lần lượt tính.</li> <li>- Cả lớp nhận xét và sửa bài.</li> <li>- Học sinh lần lượt nhắc lại công thức tính S hình cầu.</li> <li>- Lần lượt các nhóm nêu cách tính.</li> <li>- Dán lên bảng.</li> <li>- Cả lớp nhận xét.</li> </ul> $V = \frac{(r \times r \times 3,14) \times 4}{3}$
13'	<p><u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên dán 2 bảng bài tập 1 lên bảng.</li> </ul> <p>❖ <b>Hoạt động 4:</b> Củng cố.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thi đua ghi công thức diện tích và thể tích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lần lượt nhắc lại.</li> <li>- Học sinh tính thể tích.</li> <li>- 1 học sinh lên bảng tính – cả lớp nhận xét.</li> <li>*Lần lượt học sinh tính và nêu công thức tính S và V</li> <li>- Học sinh đọc đề.</li> <li>- Học sinh lần lượt làm bài.</li> <li>- Sửa bài.</li> <li>- Học sinh đọc đề – Tóm tắt.</li> <li>- Giải – 1 em lên bảng.</li> </ul>

2'	<b>5. Tổng kết - dặn dò:</b> - Làm bài nhà 1, 2/ 36 SGK. - Chuẩn bị: Luyện tập chung.	- Học sinh thực hiện.
1'	- Nhận xét tiết học.	

**TOÁN:**

**LUYỆN TẬP CHUNG.**

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** - Ôn tập, củng cố quy tắc, công thức tính  $S_{xq}$ ,  $S_{tp}$ ,  $V$  của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
- 2. Kỹ năng:** - Rèn kỹ năng tính  $S_{xq}$ ,  $S_{tp}$ ,  $V$  của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
- 3. Thái độ:** Giáo dục tính chính xác, khoa học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Bảng phụ.
- + HS: SGK, VBT.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> Giới thiệu hình cầu. - Nêu công thức tính $S$ hình cầu? VD: Tính $S$ hình cầu biết bán kính hình cầu là 1,5 m - Nêu công thức tính $V$ hình cầu? VD: Tính $V$ hình cầu có bán kính là 2 cm → Giáo viên nhận xét.	- Học sinh nêu + làm ví dụ.  - Học sinh nêu + làm ví dụ.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập chung.	
32'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
5'	❖ <b>Hoạt động 1:</b> Ôn tập. <b>Phương pháp:</b> Hỏi đáp, thi đua. - Giáo viên cho học sinh 2 dãy thi đua nêu các công thức tính $S_{xq}$ , $S_{tp}$ , $V$ của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. → Giáo viên nhận xét.	- 2 dãy thi đua.
22'	❖ <b>Hoạt động 2:</b> Luyện tập. <b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành. <u>Bài 1</u>	

<p>- Giáo viên lưu ý học sinh đổi cùng đơn vị.</p> <p><u>Bài 2:</u></p> <p>- Giáo viên sửa bài bảng phụ.</p> <p><u>Bài 3</u></p> <p>- Giáo viên gợi ý cách làm cho học sinh.</p> <p>- Giáo viên nhận xét + sửa bài bảng lớp.</p> <p><u>Bài 4</u></p> <p>- Giáo viên nhận xét.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p>5' - Học sinh thi đua ghi các công thức đã học về hình hộp chữ nhật, hình lập phương</p> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <p>1' - Học bài.</p> <p>- Chuẩn bị: Luyện tập chung.</p> <p>- Nhận xét tiết học</p>	<p><u>Bài 1</u></p> <p>- Học sinh đọc đề bài.</p> <p>- Học sinh nêu cách làm bài.</p> <p>- Học sinh làm bài vào vở.</p> <p>- 1 học sinh sửa bài bảng lớp.</p> <p>- Lớp sửa bài.</p> <p><u>Bài 2</u></p> <p>- Học sinh đọc đề.</p> <p>- Thi đua giải nhanh (mỗi dãy 5 người đầu tiên).</p> <p>- 1 học sinh giải bảng phụ.</p> <p>- Học sinh sửa bài.</p> <p><u>Bài 3</u></p> <p>- Học sinh đọc đề.</p> <p>- Học sinh thảo luận nhóm đôi tìm hiểu cách làm.</p> <p>- Làm bài vào vở.</p> <p>- 2 học sinh thi đua giải bài bảng lớp (1 em / 1 dãy).</p> <p>- Học sinh sửa bài.</p> <p><u>Bài 4</u></p> <p>- Học sinh đọc đề.</p> <p>- Học sinh nêu cách làm bài.</p> <p>- Học sinh làm bài vào vở.</p> <p>- Học sinh sửa bài miệng.</p> <p>- 2 dãy thi đua (3 em / 1 dãy)</p>
---	--

TOÁN:

## KIỂM TRA GIỮA KÌ II

TOÁN:

### BẢNG ĐO ĐƠN VỊ THỜI GIAN.

I. Mục tiêu:

- Kiến thức:** - Ôn tập lại bảng đơn vị đo thời gian đã học và mối quan hệ phổ biến giữa một số đơn vị đo thời gian.

- Quan hệ giữa các đơn vị lớn → bé hoặc bé → lớn. Nêu cách tính.

**2. Kỹ năng:** - Áp dụng kiến thức vào các bài tập thành thạo.

**3. Thái độ:** - Yêu thích môn học.

**II. Chuẩn bị:**

+ GV: Bảng đơn vị đo thời gian.

+ HS: Vở bài tập, bảng con.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA G	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
5'	<b>2. Bài cũ:</b>	- Học sinh lần lượt sửa bài 1, 2. - Cả lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Bảng đơn vị đo thời gian.	
30'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
10'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hình thành bảng đơn vị đo thời gian.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thảo luận.</p> <p>- Giáo viên chốt lại và củng cố cho cụ thể 1 năm thường 365 ngày 1 năm nhuận = 366 ngày.</p> <p>- 4 năm đến 1 năm nhuận.</p> <p>- Nêu đặc điểm?</p> <p>- 1 tháng = 30 ngày (4, 6, 9, 11)</p> <p>- 1 tháng có 31 ngày (1,3, 5, 7, 8, 10, 12).</p> <p>- Tháng 2 = 28 ngày.</p> <p>- Tháng 2 nhuận = 29 ngày.</p>	<p>- Tổ chức theo nhóm.</p> <p>- Mỗi nhóm giải thích bảng đơn vị đo thời gian.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- Số chỉ năm nhuận chia hết cho 4.</p> <p>- Học sinh lần lượt đọc bảng đơn vị đo thời gian.</p> <p>- Lần lượt nêu mối quan hệ.</p> <p>- 1 tuần = ngày.</p> <p>- 1 giờ = phút.</p> <p>- 1 phút = giây.</p>
15'	<p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Luyện tập.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thực hành.</p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>- Nêu yêu cầu cho học sinh.</p> <p><b>Bài 2:</b></p> <p>- Giáo viên chốt lại cách làm bài.</p> <p>- 2 giờ rưỡi = 2g30 phút. = 150 phút.</p> <p><b>Bài 3:</b></p> <p>- Nhận xét bài làm.</p>	<p>- Làm bài.</p> <p>- Sửa bài.</p> <p>- Học sinh làm bài – vận dụng mối quan hệ thực hiện phép tính.</p> <p>- Sửa bài.</p> <p>- Lớp nhận xét.</p> <p>- Nêu yêu cầu đề.</p> <p>- Học sinh làm bài cá nhân.</p> <p>- Sửa bài.</p>

5'	<p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.  <b>Phương pháp:</b> Trò chơi.                  - Chia 2 dãy, dãy A cho đề, dãy B làm và ngược lại.                  - Nhận xét, tuyên dương.</p>	<p><b>Hoạt động lớp.</b></p> <p>- Thực hiện trò chơi.                  - Sửa bài.</p>
1'	<p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b>                  - Xem lại bài.                  - Chuẩn bị: Cộng số đo thời gian.                  - Nhận xét tiết học.</p>	

**TOÁN:**

**CỘNG SỐ ĐO THỜI GIAN.**

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức:** - Biết cách thực hiện phép cộng số đo thời gian.
- Kĩ năng:** - Vận dụng giải các bài toán đơn giản.
- Thái độ:** - Giáo dục tính chính xác, khoa học, cẩn thận.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: Bảng phụ, SGK .
- + HS: Vở, SGK.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA G	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> - Học sinh sửa bài 2,3. - GV nhận xét cho điểm.	- Học sinh sửa bài. Nêu cách làm.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Cộng số đo thời gian.	
32'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
7'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Thực hiện phép cộng.  <b>Phương pháp:</b> Thảo luận, bút đàm, đàm thoại.                  - VD: 2 giờ 15 phút + 3 giờ 14 phút                  - GV theo dõi và thu bài làm của từng nhóm. Yêu cầu từng nhóm nêu cách làm (Sau khi kiểm tra bài làm)                  - GV chốt lại.                  - Đặt tính thẳng hàng thẳng cột.                  - VD: 4 giờ 59 phút + 2 giờ 58 phút                  • GV chốt:</p>	<p><b>Hoạt động nhóm đôi.</b></p> <p>- Học sinh làm việc nhóm đôi.                  - Thực hiện đặt tính cộng.                  - Lần lượt các nhóm được yêu cầu trình bày bài làm                  - Dự kiến:  <math display="block">\begin{array}{r} 2 \text{ giờ } 15 \text{ phút} \\ + 3 \text{ giờ } 14 \text{ phút} \\ \hline 5 \text{ giờ } 29 \text{ phút} \end{array}</math>                  - Cả lớp nhận xét</p>



<p>20'</p> <p>5'</p> <p>1'</p>	<p>Kết quả có cột đơn vị nào lớn hoặc bằng số quy định là phải đổi ra đơn vị lớn hơn liền trước.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Luyện tập. <b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành. <u>Bài 1:</u> Tính.</p> <p><u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét bài làm.</li> </ul> <p><u>Bài 4:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét bài làm.</li> </ul> <p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 học sinh cho ví dụ, 1 học sinh tính, thi đua dãy.</li> <li>- Nhận xét + tuyên dương.</li> </ul> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học bài.</li> <li>- Chuẩn bị: “Trừ số đo thời gian”.</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lần lượt các nhóm đôi thực hiện</li> <li>- Đại diện trình bày.</li> <li>- Dự kiến 4 giờ 59 phút <u>+ 2 giờ 58 phút</u> 6 giờ 117 phút = 7 giờ 57 phút</li> <li>- Cả lớp nhận xét và giải thích kết quả nào Đúng - Sai</li> </ul> <p><b>Hoạt động cá nhân.</b></p> <p><u>Bài 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề.</li> <li>- Học sinh lần lượt làm bài.</li> <li>- Sửa bài. Thi đua từng cặp.</li> </ul> <p><u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề – Tóm tắt</li> <li>- Giải – 1 em lên bảng.</li> <li>- Sửa từng bước.</li> </ul> <p><u>Bài 4:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề – Tóm tắt</li> <li>- Giải – 1 em lên bảng sửa bài.</li> <li>- Sửa từng bước.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 dãy thi đua ( 4 em/dãy).</li> </ul>
--------------------------------	---	---

**TOÁN:**

**TRỪ SỐ ĐO THỜI GIAN.**

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** - Nắm cách thực hiện phép trừ số đo thời gian.
- 2. Kỹ năng:** - Vận dụng giải các bài toán đơn giản.
- 3. Thái độ:** - Giáo dục tính chính xác, cẩn thận.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: SGV
- + HS: VBT.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
3'	<b>2. Bài cũ:</b>	- Học sinh lần lượt sửa bài 1/ 43. - Cả lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> → Giáo viên ghi bảng.	
34'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
15'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Thực hiện phép trừ.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thảo luận, hỏi đáp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ví dụ: 9 giờ 45 phút – 8 giờ 9 phút.</li> <li>- Giáo viên theo dõi và thu bài làm của từng nhóm.</li> <li>- Yêu cầu từng nhóm nêu cách làm (Sau khi kiểm tra bài làm).</li> <li>- Giáo viên chốt lại.</li> <li>- Đặt tính thẳng hàng, thẳng cột.</li> <li>- Trừ riêng từng cột.</li> </ul> <p>- Ví dụ: 3 phút 15 giây – 1 phút 45 giây.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt lại.</li> <li>- Số bị trừ có số đo thời gian ở cột thứ hai bé hơn số trừ.</li> </ul> <p>- Lấy 1 đơn vị đứng trước đổi ra đơn vị sau đó cộng với số 1 có sẵn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành trừ.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>Hoạt động nhóm, lớp.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thực hiện.</li> <li>- Lần lượt các nhóm trình bày.</li> </ul> <p>9 giờ 45 phút <u>8 giờ 9 phút</u> 0 giờ 55 phút 9 giờ 45 phút <u>8 giờ 9 phút</u> 1 giờ 36 phút 9 giờ 45 phút <u>8 giờ 9 phút</u> 1 giờ 36 phút.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm khác nhận xét.</li> <li>- Giải thích vì sao sai hoặc đúng.</li> <li>- Học sinh nêu cách trừ.</li> <li>- Lần lượt các nhóm thực hiện.</li> </ul> <p>3 phút 15 giây <u>1 phút 45 giây.</u> 2 phút 30 giây. 3 phút 15 giây. <u>1 phút 45 giây.</u> 2 phút 60 giây.</p> <p>3 phút 15 giây      2 phút 75 giây. 2 phút 45 giây hay <u>2 phút 45 giây.</u> 0 phút 30 giây.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả lớp nhận xét và giải thích.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><b>Hoạt động cá nhân, lớp.</b></p>
15'	<p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Thực hành.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Luyện tập, thực hành.</p>	

<p><u>Bài 1:</u> - Giáo viên chốt.</p> <p><u>Bài 2:</u> - Lưu ý cách đặt tính.</p> <p><u>Bài 3:</u> - Chú ý đặt lời giải.</p> <p><u>Bài 4:</u> - Tính giá trị biểu thức. a) Đổi ngày → giờ. b) STP → giờ – phút. ❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.</p> <p>4' <b>Phương pháp:</b> Thi đua, luyện tập, thực hành. - Thi đua làm bài.</p> <p>5. <b>Tổng kết - dặn dò:</b></p> <p>1' - Làm bài 1, 2/ 44. - Bài 3/ 44 làm bài vào giờ tự học. - Chuẩn bị: “Nhân số đo thời gian”. - Nhận xét tiết học</p>	<p>- H làm bài 1. - Sửa bài. - Lớp nhận xét. - H làm bài 2. - Sửa bài. - Cả lớp nhận xét. - Đọc đề – tóm tắt. - Giải – 1 em lên bảng. - Sửa bài. - H làm bài. - H sửa bài.</p> <p style="text-align: center;"><b>Hoạt động nhóm (dãy), lớp.</b></p> <p>- Tự đặt đề.</p>
---	---

**TOÁN:**

**LUYỆN TẬP.**

**I. Mục tiêu:**

1. **Kiến thức:** - Rèn cho học sinh kĩ năng cộng, trừ số đo thời gian.
2. **Kĩ năng:** - Vận dụng giải các bài tập thực tiễn.
3. **Thái độ:** - Giáo dục học sinh tính chính xác, khoa học.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: SGK
- + HS: Vở bài tập.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	1. <b>Khởi động:</b>	- Hát
4'	2. <b>Bài cũ:</b>  - Giáo viên nhận xét cho điểm.	- Học sinh lần lượt sửa bài 1, 2/ 44. - Lớp nhận xét.
1'	3. <b>Giới thiệu bài mới:</b> Luyện tập.	

<p>33' 28'</p>	<p><b>4. Phát triển các hoạt động:</b></p> <p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Thực hành.</p> <p><u>Bài 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt.</li> <li>- Lưu ý <math>\frac{1}{12}</math> giờ = <math>\frac{3}{2}</math> giờ</li> <li style="padding-left: 20px;">= 90 phút (<math>3/2 \times 60</math>)</li> <li style="padding-left: 20px;"><math>\frac{1}{24}</math> giờ = <math>\frac{9}{4}</math> giờ</li> <li style="padding-left: 20px;">= (<math>9/4 \times 60</math>) = 135 giây</li> </ul> <p><u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt ở dạng bài c – d.</li> <li>- Đặt tính.</li> <li>- Cộng.</li> <li>- Kết quả.</li> </ul> <p><u>Bài 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt.</li> <li>- Cột 2 của số bị trừ &lt; cột 2 của số trừ → đổi.</li> <li>- Dựa vào bài a, b.</li> </ul> <p><u>Bài 4:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chốt bằng bài đặt tính của bước 1.</li> <li style="padding-left: 20px;">1 giờ 30 phút.</li> <li style="padding-left: 20px;">+ 1 giờ 40 phút.</li> <li style="padding-left: 20px;">2 giờ 70 phút.</li> <li style="padding-left: 20px;">= 3 giờ 10 phút.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề – làm bài.</li> <li>- Lần lượt sửa bài.</li> <li>- Nêu cách làm.</li> <li>- Cả lớp nhận xét.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc yêu cầu – làm bài.</li> <li>- Sửa bài.</li> <li>- Nêu cách thực hiện phép cộng số đo thời gian.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc đề.</li> <li>- Học sinh làm bài.</li> <li>- Sửa bài.</li> <li>- Nêu cách trừ số đo thời gian ở 2 dạng.</li> <li>- Học sinh đọc đề – tóm tắt.</li> <li>- Sửa bài từng bước.</li> <li>- Cả lớp nhận xét.</li> </ul>
<p>5' 1'</p>	<p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Củng cố.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên yêu cầu học sinh nêu cách thực hiện phép cộng, trừ số đo thời gian qua bài tập thi đua.</li> </ul> <p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài 2, 3/ 45.</li> <li>- Bài 4, 5/ 45 làm bài vào giờ tự học.</li> <li>- Chuẩn bị: “Nhân số đo thời gian”.</li> <li>- Nhận xét tiết học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm cử đại diện thi đua thực hiện phép cộng hoặc trừ số đo thời gian.</li> <li>- Cả lớp nhận xét.</li> <li>- Sửa bài.</li> </ul>

**TOÁN:**

**NHÂN SỐ ĐO THỜI GIAN.**

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** - Bước đầu biết cách tính và đặt tính nhân số đo thời gian với 1 số.

**2. Kỹ năng:** - Thực hiện đúng phép nhân số đo thời gian với 1 số, vận dụng giải các bài toán.

**3. Thái độ:** - Giáo dục học sinh tính chính xác, khoa học.

**II. Chuẩn bị:**

+ GV: SGK, phấn màu, ghi sẵn ví dụ ở bảng, giấy cứng..

+ HS: SGK, VBT.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b>	- Học sinh lần lượt sửa bài 2, 3. - Cả lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> → Giáo viên ghi bảng.	
32'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	<b>Hoạt động nhóm đôi.</b>
12'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh thực hiện phép nhân số đo thời gian với một số.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Giảng giải, thực hành, đàm thoại.</p> <p>* Ví dụ: 2 phút 12 giây <math>\times</math> 4.</p> <p>- Giáo viên chốt lại. - Nhân từng cột. - Kết quả nhỏ hơn số qui định.</p> <p>* Ví dụ: 1 người thợ làm 1 sản phẩm hết 5 phút 28 giây. Hỏi làm 9 sản phẩm mất bao nhiêu thời gian?</p> <p>- Giáo viên chốt lại bằng bài làm đúng. - Đặt tính.</p> <p>- Thực hiện nhân riêng từng cột.</p> <p>- Kết quả bằng hay lớn hơn <math>\rightarrow</math> đổi ra đơn vị lớn hơn liền trước.</p>	<p>Học sinh lần lượt tính. - Nêu cách tính trên bảng. - Các nhóm khác nhận xét.</p> <p>2 phút 12 giây  <math display="block">\begin{array}{r} \times \quad 4 \\ \hline 8 \text{ phút } 48 \text{ giây} \end{array}</math></p> <p>Học sinh nêu cách tính. - Đặt tính và tính. - Lần lượt đại diện nhóm trình bày. - Dán bài làm lên bảng. - Trình bày cách làm. <span style="float: right;">2</span></p> <p>5 phút 28 giây  <math display="block">\begin{array}{r} \times \quad 9 \\ \hline 47 \text{ phút } 52 \text{ giây} \end{array}</math></p> <p>5 phút 28 giây  <math display="block">\begin{array}{r} \times \quad 9 \\ \hline 45 \text{ phút } 252 \text{ giây} \end{array}</math></p> <p>5 phút 28 giây  <math display="block">\begin{array}{r} \times \quad 4 \\ \hline 45 \text{ phút } 252 \text{ giây} \end{array}</math></p>

15'	<p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Hướng dẫn học sinh làm bài tập.  <b>Phương pháp:</b> Luyện tập, Thực hành.  <u>Bài 1</u>                      - Giáo viên chốt bằng 2 bài số thập phân.</p> $\begin{array}{r} 4,3 \text{ giờ} \\ \times 4 \\ \hline 17,2 \text{ giờ} \\ = 17 \text{ giờ } 12 \text{ phút} \\ 5,6 \text{ phút} \\ \times 5 \\ \hline 28,0 \text{ phút} \end{array}$ <p><u>Bài 2:</u>                      - Giáo viên chốt bằng lưu ý học sinh nhìn kết quả lớn hơn hoặc bằng phải đổi.</p>	<p>= 49 phút 12 giây.                      - Các nhóm nhận xét và chọn cách làm, 2 đúng – Giải thích phần sai.                      - Học sinh lần lượt nêu cách nhân số đo thời gian.</p> <p style="text-align: center;"><b>Hoạt động cá nhân, lớp.</b></p> <p>- Học sinh đọc đề – làm bài.                      - Sửa bài.</p>
5'	<p>❖ <b>Hoạt động 3:</b> Củng cố.  <b>Phương pháp:</b> Thi đua.                      - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- Học sinh đọc đề.                      - Học sinh làm bài.                      - Sửa bài.</p> <p style="text-align: center;"><b>Hoạt động nhóm dãy.</b></p>
1'	<p><b>5. Tổng kết - dặn dò:</b>                      - Ôn lại quy tắc.                      - Chuẩn bị: Chia số đo thời gian.                      - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Dãy cho bài, dãy làm (ngược lại).</p>

**TOÁN:**

## CHIA SỐ ĐO THỜI GIAN.

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** - Biết cách đặt tính và tính phép chia số đo thời gian.
- 2. Kỹ năng:** - Biết thực hiện đúng phép chia số đo thời gian với một số.  
 Vận dụng giải các bài toán thực tiễn.
- 3. Thái độ:** - Tính chính xác, có ý thức độc lập khi làm bài.

**II. Chuẩn bị:**

- + GV: 2 ví dụ in sẵn 16 đề.
- + HS: Vở bài tập, bài soạn.

**III. Các hoạt động:**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1'	<b>1. Khởi động:</b>	- Hát
4'	<b>2. Bài cũ:</b> - Giáo viên nhận xét – cho điểm.	- Học sinh lượt sửa bài 1. - Cả lớp nhận xét.
1'	<b>3. Giới thiệu bài mới:</b> Chia số đo thời gian.	
30'	<b>4. Phát triển các hoạt động:</b>	
10'	<p>❖ <b>Hoạt động 1:</b> Thực hiện phép chia số đo thời gian với một số.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Phân tích, thực hành, đàm thoại.</p> <p>- Ví dụ 1: Em giải 5 bài toán mất 45 phút 5 giây. Hỏi giải 1 bài mất bao nhiêu thời gian?</p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu phép tính tương ứng.</p> <p>- Giáo viên chốt lại. - Chia từng cột thời gian.</p> <p>- Ví dụ 2: 1 người thợ làm 8 sản phẩm hết 35 phút 16 giây. Hỏi làm 1 sản phẩm mất bao nhiêu thời gian?</p> <p>- Chọn cách làm tiêu biểu của 2 nhóm nêu trên. - Yêu cầu cả lớp nhận xét. - Giáo viên chốt. - Chia từng cột đơn vị cho số chia. - Trường hợp có dư ta đổi sang đơn vị nhỏ hơn liền kề. - Cộng với số đo có sẵn. - Chia tiếp tục.</p> <p>❖ <b>Hoạt động 2:</b> Thực hành.</p> <p><b>Phương pháp:</b> Thực hành.</p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>- Giáo viên chốt bài.</p> <p>- 25,28 phút</p> $\begin{array}{r} 4 \\ \hline 16 \phantom{00} \\ 6,42 \text{ phút} \\ \hline 08 \phantom{00} \\ 6 \text{ ph } 25 \frac{2}{10} \text{ s} \end{array}$	<p>- Học sinh đọc đề. - Nêu cách tính của đại diện từng nhóm.</p> <p>- 45 phút 5 giây</p> $\begin{array}{r} 5 \\ \hline 0 \phantom{00} 5 \phantom{00} 9 \\ 0 \phantom{00} \phantom{00} \phantom{00} \end{array} \text{ phút 1 giây}$ <p>- Các nhóm khác nhận xét. - Chia từng cột. - Học sinh đọc đề. - Giải phép tính tương ứng (bàn bạc trong nhóm).</p> <p>- 35 phút 16 giây</p> $\begin{array}{r} 8 \\ \hline 3 \phantom{00} 16 \\ 0 \phantom{00} \phantom{00} \end{array} \text{ phút 2 giây}$ <p>- 35 phút 16 giây</p> $\begin{array}{r} 8 \\ \hline 3 = 240 \text{ giây} \\ 256 \text{ giây} \\ 0 \phantom{00} \phantom{00} \end{array} \text{ phút 32 giây}$ <p>- Học sinh nhận xét và giải thích bài làm đúng. - Lần lượt học sinh nêu lại.</p> <p style="text-align: center;"><b>Hoạt động cá nhân.</b></p> <p>- Học sinh thực hiện. - Sửa bài (thi đua).</p>

	<p><u>Bài 2:</u> - Giáo viên chốt bằng bài b.</p> <p><u>Bài 3:</u> - Giáo viên chốt. - Tìm t làm việc = giờ kết thúc – giờ bắt đầu.</p> <p><u>Bài 4:</u> - Giáo viên chốt bằng tóm tắt. - Lưu ý đổi 1 giờ = 60 phút.</p> <p>5' ❖ <b><u>Hoạt động 3:</u></b> củng cố.</p> <p>1' <b><u>5. Tổng kết - dặn dò:</u></b> - Làm bài 1/ 47. - Bài 2, 3/ 47 làm bài vào giờ tự học. - Chuẩn bị: Luyện tập. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Học sinh làm bài. - Sửa bài. - Học sinh đọc đề – Tóm tắt – Giải 1 em lên bảng sửa bài. - Lớp nhận xét.</p> <p>- Học sinh đọc đề – Tóm tắt. - 60 phút = 1 giờ : 40 km. ? phút : 3 km. - Giải. - Sửa bài.</p> <p>- 1 học sinh đặt đề, lớp giải. - Nhận xét.</p>
--	--	--